

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB 1: *Vợ nhặt* (Trích – Kim Lân)

VB 2: *Chí Phèo* (Trích – Nam Cao)

Thực hành đọc: *Cái ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư)

2. Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

3. Viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

4. Nói và nghe: Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . - HS biết đọc hiểu văn bản truyện ngắn hiện đại: + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,... + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. + Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp được tác giả gửi gắm trong văn bản ; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề. + Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo được người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản. - HS nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả. - HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả. - HS biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

II. PHẨM CHẤT

- Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học sinh

- Đọc phân Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kỹ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 1,2,3

VĂN BẢN 1: VỢ NHẬT

(Trích)

Kim Lân

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

2. Phẩm chất

Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. **Nội dung hoạt động:** Suy nghĩ về nạn đói năm 1945

c. **Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem video:

(https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I&t=197s)

- HS hoàn thành phiếu học tập (theo hình thức *Think-Pair-Share*)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) xảy ra ở Việt Nam?	
- Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,...) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng không?	
Một tác phẩm thơ, văn mà em biết có liên quan?	
Một mẩu chuyện được nghe kể có liên quan?	
Một cảm nhận của cá nhân em khi xem video?	
Một tưởng tượng khi xem?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem video clip và ghi kết quả thảo luận sau khi đã thống nhất vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi đại diện 2-3 nhóm HS trình bày sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nêu nhận xét về phần trình bày của các nhóm và ghi nhận những đóng góp tích cực, tôn trọng các ý tưởng khác biệt của HS.

→GV dẫn vào bài bằng câu hỏi SGK: Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,...) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng hay không? Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời cho câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về đặc trưng của truyện ngắn hiện đại, đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: *Tôi đi tìm miếng ghép của tôi*

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi <i>Tôi đi tìm miếng ghép của tôi</i>: + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.9,10,11 (5 phút), sau đó gấp SGK lại. + GV chọn 9 HS xung phong tham gia trò chơi hoặc chọn bất kì. + Mỗi HS đóng vai một yếu tố tri thức Ngữ văn (SGK tr.9,10,11) gồm: <i>Truyện ngắn hiện đại, Câu chuyện, Điểm nhìn trong truyện kể, Vai trò của lời người kể chuyện và lời nhân vật, Lời người kể chuyện, Lời nhân vật, Mối quan hệ của lời người kể chuyện và lời nhân vật, Ngôn ngữ nói, Ngôn ngữ viết</i>; HS đó sẽ phải tìm đúng miếng ghép để xếp vào đúng bảng (hoặc dán vào giấy A2) của mình. + GV chuẩn bị sẵn các miếng ghép là các tờ giấy nhớ ghi nội dung cụ thể các tri thức ngữ văn của bài, một nội dung có thể ghi trên nhiều miếng ghép để tạo độ nhiễu + bảng hoặc giấy A2 cho mỗi HS. - Các miếng ghép ghi nội dung, có thể là: <ul style="list-style-type: none"> + thẻ loại tự sự cỡ nhỏ + một, hai tình huống + khoảng thời gian, không gian hạn chế + chất lọc, dồn nén các chi tiết + nội dung của tác phẩm tự sự + nhân vật, bối cảnh và sự kiện + vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá. + Phân loại điểm nhìn: 	<p>I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn</p> <p>1. Truyện ngắn hiện đại</p> <ul style="list-style-type: none"> - thể loại tự sự cỡ nhỏ, - thường xoay quanh một, hai tình huống nhưng gây ấn tượng mạnh đối với người đọc, - đòi hỏi sự chặt lọc, dồn nén của các chi tiết và vận dụng bút pháp chấm phá trong trần thuật. <p>2. Câu chuyện (còn có thể gọi là truyện gốc)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: là nội dung của tác phẩm tự sự (nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian) - Phân biệt truyện kể và câu chuyện: gắn liền nhưng không đồng nhất (vì truyện kể bao gồm sự kiện theo mạch kể, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật).

- người kể chuyện - nhân vật được kể
- bên ngoài - bên trong
- không gian - thời gian
- tính tâm lý, tư tưởng

+ thấu suốt mọi sự việc
 + gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, đối lập nhau
 + tính đối thoại của tác phẩm
 + cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.
 + ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện
 + miêu tả, trần thuật, phán đoán, đánh giá đối tượng
 + ngôn ngữ đối thoại hay độc thoại
 + ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật
 + kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau
 + lời nửa trực tiếp
 + lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, điệu của nhân vật
 + lời độc thoại nội tâm
 + tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật
 + lời nhại
 + lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...

+ âm thanh, tiếp nhận bằng thính giác
 + giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật
 + trò chuyện ở gia đình, nhà trường phát biểu trong giờ học, cuộc họp, trao đổi mua bán ở chợ
 + tin nhắn qua điện thoại trên mạng
 + ghi âm một cuộc phỏng vấn
 + những đoạn hội thoại của các nhân vật trong tác phẩm truyện
 + thực hiện chức năng thẩm mỹ, không còn “nguyên dạng”
 + chữ viết,
 + sách báo, văn bản hành chính, thư từ,..
 + viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi,...

+ truyền tải bằng âm thanh nhưng vẫn mang đầy đủ đặc của ngôn ngữ viết

- GV tư vấn cho 2 HS làm MC dẫn chương trình và GV làm giám khảo của trò chơi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu
- Cử chọn người tham gia trò chơi hoặc xung phong tham gia sau 5 phút

3. Điểm nhìn trong truyện kể

- Điểm nhìn: vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

- Phân loại điểm nhìn:

+ Điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật.

+ Điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong.

+ Điểm nhìn không gian và điểm nhìn thời gian.

+ Điểm nhìn còn mang tính tâm lý, tư tưởng, gắn liền với vai kể hoặc nhân vật.

- Tác dụng của điểm nhìn :

+ Câu chuyện được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá **mang tính định hướng cho người đọc.**

+ Câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật **tạo nên tính đối thoại cho tác phẩm**, phát huy vai trò chủ động, tích cực trong đánh giá cho người đọc.

4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

- **Vai trò:** là những yếu tố cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.

- **Lời người kể chuyện:**

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- 9 đại diện HS tham gia trò chơi, ai nhanh và đúng nhất sẽ chiến thắng

- HS ở dưới bổ sung, nhận xét nếu các HS tham gia không trả lời hoặc trả lời thiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm HS trả lời nhanh và đúng (Cả HS tham gia chơi và HS bổ sung, nhận xét bên dưới quan sát, lắng nghe)

1. HS mang bảng *Truyện ngắn hiện đại* chọn các miếng ghép:

- + thẻ loại tự sự cỡ nhỏ
- + một, hai tình huống
- + khoảng thời gian, không gian hạn chế
- + chất lọc, dồn nén các chi tiết

2. HS mang bảng *Câu chuyện* chọn các miếng ghép:

- + Nội dung của tác phẩm tự sự
- + Nhân vật, bối cảnh và sự kiện

3. HS mang bảng *Điểm nhìn trong truyện kể* chọn các miếng ghép:

- + Vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.
- + Phân loại điểm nhìn:
 - người kể chuyện - nhân vật được kể
 - bên ngoài - bên trong
 - không gian - thời gian
 - tính tâm lý, tư tưởng

- + thấu suốt mọi sự việc
- + gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, đối lập nhau
- + tính đối thoại của tác phẩm

4. HS mang bảng *Vai trò của lời người kể chuyện và lời nhân vật* chọn miếng ghép: Cấu thành lớp lời văn nghệ thuật của văn bản tự sự.

5. HS mang bảng *Lời người kể chuyện* chọn các miếng ghép:

- + Ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện
- + Miêu tả, trần thuật, phán đoán, đánh giá đối tượng

6. HS mang bảng *Lời nhân vật* chọn các miếng ghép:

- + Ngôn ngữ đối thoại hay độc thoại
- + Ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

+ gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện.

+ Chức năng: miêu tả, trần thuật, phán đoán, đánh giá đối tượng được miêu tả, trần thuật.

- **Lời nhân vật:** là ngôn ngữ đối thoại hay độc thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

- **Mối quan hệ của lời người kể chuyện và lời nhân vật:** kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo lời nửa trực tiếp, lời độc thoại nội tâm, lời nhại.

5. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

- **Ngôn ngữ nói (khẩu ngữ):**
+ Là ngôn ngữ âm thanh, được tiếp nhận bằng thính giác.

+ Gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật.

+ Dạng đặc biệt: Ngôn ngữ nói xuất hiện với hình thức văn bản.

- **Ngôn ngữ viết:**

+ Là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết,

+ Được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,..

+ Các hình thức: bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,...

<p>7. HS mang bảng <i>Mối quan hệ của lời người kể chuyện và lời nhân vật</i> chọn các miếng ghép:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau + Lời nửa trực tiếp + Lời của người kể chuyện nhưng tái hiện ý thức, điệu của nhân vật + Lời độc thoại nội tâm + Tái hiện tiếng nói bên trong của nhân vật + Lời nhại + Lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,... <p>8. HS mang bảng <i>Ngôn ngữ nói</i> chọn các miếng ghép:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Âm thanh, tiếp nhận bằng thính giác. + Giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật + Trò chuyện ở gia đình, nhà trường phát biểu trong giờ học, cuộc họp, trao đổi mua bán ở chợ + Tin nhắn qua điện thoại trên mạng + Ghi âm một cuộc phỏng vấn + Những đoạn hội thoại của các nhân vật trong tác phẩm truyện + Thực hiện chức năng thẩm mỹ, không còn “nguyên dạng” <p>9. HS mang bảng <i>Ngôn ngữ viết</i> chọn các miếng ghép:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chữ viết, + Sách báo, văn bản hành chính, thư từ,.. + Viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi,... + Truyền tải bằng âm thanh nhưng vẫn mang đầy đủ đặc điểm của ngôn ngữ viết. 	<p>+ Dạng đặc biệt: Một số văn bản viết mà nội dung thông tin được truyền tải bằng âm thanh được tiếp nhận bằng thính giác nhưng ngôn ngữ trong đó vẫn mang đầy đủ đặc điểm của ngôn ngữ viết.</p>
--	--

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

- a. Mục tiêu:** Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách riêng, vị trí văn học; xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, cốt truyện, ý nghĩa nhan đề nhan đề.
- b. Nội dung hoạt động:** Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.
- c. Sản phẩm:** Phiếu học tập và phần thuyết trình của HS
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tác phẩm	
Xuất xứ	
Hoàn cảnh sáng tác	
Tóm tắt truyện	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình chiếu bản PP về tác giả Kim Lân và giới thiệu chung về tác phẩm “Vợ nhặt”, đại diện HS thuyết trình trước lớp. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p> <p>*Nhiệm vụ : Đọc và tìm hiểu chung về văn bản</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chỉ định HS đọc thành tiếng một số đoạn văn bản, nhắc các em chú ý đến đối giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm. - GV yêu cầu HS chú ý những cước chú và nội dung các thẻ chỉ dẫn.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà) theo PHT số 2.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét cách đọc của HS. - GV hướng dẫn HS nghe mẫu một số đoạn tiêu biểu (GV có thể giới thiệu một clip diễn đọc văn bản <i>Vợ nhặt</i>)</p>	<p>II. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả Kim Lân - Đóng góp văn học nổi bật nhất thể hiện ở lĩnh vực truyện ngắn. - Cách kể chuyện tự nhiên, hồn hậu, hóm hỉnh; cách tái hiện sinh động ngôn ngữ giao tiếp đời thường của người bình dân; cách gọi lên không gian văn hóa-lịch sử của những câu chuyện tưởng chừng bé nhỏ,...</p> <p>- Tác phẩm chính: <i>Nên vợ nên chồng</i> (tập truyện ngắn năm 1955), <i>Con chó xấu xí</i> (tập truyện ngắn năm 1962), <i>Tuyển tập Kim Lân</i> (1996).</p> <p>2. Tác phẩm “Vợ nhặt”</p> <p>a. Xuất xứ Truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> được rút từ tập truyện <i>Con chó xấu xí</i> có tiền thân từ tiểu thuyết "Xóm ngụ cư".</p> <p>b. Hoàn cảnh sáng tác - Tác phẩm được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng còn dang dở và mất bản thảo. Sau hoà bình lập lại (1954) Kim Lân dựa vào phần cốt truyện cũ và viết lại thành truyện "Vợ nhặt".</p> <p>c. Tóm tắt - Truyện lấy bối cảnh là nạn đói năm 1945. Tràng – một thanh niên nghèo, lại là dân ngụ cư, trong một lần đẩy hàng đã tình cờ có được vợ. - Cô vợ nhặt đã tình nguyện theo Tràng chỉ sau một câu nói đùa và bốn bát bánh đúc. - Tràng đưa “thị” về giữa cảnh đói khát đang tràn đến xóm ngụ cư. - Bà cụ Tứ thấy con có vợ thì vừa mừng vừa tủi cho thân phận nghèo khó của mình và thương con, thương nàng dâu đói khổ. Họ sống với nhau trong cảnh đói nghèo nhưng hạnh phúc và tin rằng: Việt Minh về làng, họ sẽ đi phá kho thóc Nhật, lấy lại thóc gạo để cứu sống mình.</p> <p>d. Ý nghĩa nhan đề “Vợ nhặt”</p>

	<p>- Kích thích trí tò mò của người đọc (bởi sự kết hợp giữa danh từ “Vợ” gợi sự thiêng liêng với động từ “nhặt” thường đi với những thứ kém giá trị khiến cái vốn trang trọng trở nên tầm thường, vốn cao quý trở nên rẻ rúng...)</p> <p>- Nhan đề gợi tình huống éo le; gợi sự rẻ rúng của giá trị con người; gợi tình người ấm áp, nhân văn...</p>
--	---

2.3: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đổi giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia chương trình Talk show để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

(HS được giao làm ở nhà trước khi lên lớp)

Nhân vật	Tràng		Người vợ nhặt		Bà cụ Tứ	
	Chi tiết tiêu biểu	Nhận xét	Chi tiết tiêu biểu	Nhận xét	Chi tiết tiêu biểu	Nhận xét
Trước khi Tràng nhặt được vợ						
Trên đường đưa vợ về nhà						
Về đến nhà						
Buổi sáng hôm sau						
Bữa cơm ngày đói						

Sự chuyển biến của nhân vật			
-----------------------------	--	--	--

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>GV hướng dẫn HS tổ chức Talk show: Vợ nhặt – chứng tích một thời, chân lí mọi thời.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành các nhóm, thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ (bước 1), chuẩn bị tham gia chương trình Talk show (bước 2)</p> <p>Nhóm 1: Bối cảnh thời gian - không gian</p> <p>Xác định bối cảnh thời gian, không gian truyện.</p> <p>Nhóm 2: Mạch truyện và tình huống truyện</p> <p>- Câu chuyện trong <i>Vợ nhặt</i> được kể theo trình tự nào và có thể chia làm mấy phần?</p> <p>- Xác định tình huống truyện và nêu ý nghĩa của nó.</p> <p>Nhóm 3: Nhân vật và các chi tiết tiêu biểu</p> <p>- Trước khi Tràng nhặt được vợ (Chú ý ngôn ngữ và cách ứng xử của người phụ nữ trước khi theo Tràng về nhà; Việc Tràng chấp nhận hành động “theo về” của một người phụ nữ xa lạ thể hiện nét tính cách gì của nhân vật?)</p> <p>- Trên đường đưa vợ về nhà (Tâm trạng của Tràng và người</p>	<p>IV. Khám phá văn bản</p> <p>1. Bối cảnh thời gian – không gian</p> <p>* Khung cảnh ngày đói:</p> <p>- Hình ảnh: tiêu tụy – bóng người đói đi lại dật dờ, người sống ở lẫn với người chết, những khuôn mặt hốc hác, u tối, những dáng vẻ mệt mỏi...</p> <p>- Âm thanh: buồn bã, thâm trầm – tiếng hờ khóc người chết tí tê, tiếng quạ gào thê thiết.</p> <p>- Mùi vị: nghèo khó, chết chóc – mùi ẩm thối của rác rưởi xen với mùi gậy của xác người.</p> <p>=> ảm đạm, tăm tối, thô lương, gọi ám ảnh về cái đói và cái chết.</p> <p>* Khung cảnh ngày mới:</p> <p>- Cảnh vật: Buổi sáng mùa hè ánh nắng rực rỡ, khung cảnh quang quẻ, sạch sẽ...</p> <p>- Con người: có sự thay đổi mới mẻ.</p> <p>+ Dáng vẻ: nhanh nhẹn, khỏe khoắn. (bà cụ Tứ xăm xắn đi lại quét tước, dọn dẹp; Tràng xăm xắn muôn dự phần tu sửa căn nhà...)</p> <p>+ Nét mặt: tươi tỉnh, rạng rỡ chứ không u ám như ngày thường (Khuôn mặt búng beo, u ám của bà cụ Tứ trở nên tươi tỉnh, rạng rỡ hẳn lên...)</p> <p>+ Lời nói: các con nói với mẹ thì lễ phép, tình cảm; mẹ thì vui vẻ, đon đả, tình cảm...</p> <p>+ Suy nghĩ, cảm xúc: dù vẫn còn đó nỗi lo lắng, tủi buồn song họ đều hướng đến việc vun vén, xây dựng tổ ấm, đến tương lai. (Tràng nghĩ đến bổn phận, trách nhiệm với gia đình; bà cụ Tứ tính chuyện nuôi gà, chị vợ nhặt nói đến chuyện Việt Minh phá kho thóc Nhật chia cho người đói...)</p> <p>=> có những sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, tươi sáng hơn.</p> <p>2. Mạch truyện và tình huống truyện</p> <p>* Mạch truyện</p> <p>- Văn bản được kể theo trình tự thời gian, từ lúc Tràng gặp người đàn bà cho đến khi đưa về ra mắt mẹ.</p>

“vợ nhặt” được bộc lộ qua những biểu hiện bên ngoài (ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ...) nào? Người dân trong xóm nghĩ và bàn luận gì khi thấy Tràng dẫn một người phụ nữ lạ về nhà?)

- **Về đến nhà** (Những chi tiết nào thể hiện sự thay đổi trong tâm trạng của Tràng và người “vợ nhặt” khi về đến nhà? Tình cảm của bà cụ Tứ dành cho người con dâu mới được thể hiện qua giọng điệu và những từ ngữ nào?)

- **Buổi sáng hôm sau** (Chú ý những chi tiết miêu tả sự thay đổi của nhân vật Tràng, bà cụ Tứ và người “vợ nhặt” trong buổi sáng của ngày đầu tiên sau khi Tràng nhặt được vợ)

- **Bữa cơm ngày đói** (Chú ý vai trò của chi tiết nồi chè khoán; Tại sao bà cụ Tứ ngoảnh vợi ra ngoài, “không dám để con dâu nhìn thấy” mình khóc? Tràng có tâm trạng như thế nào khi nghe câu chuyện mà người “vợ nhặt” kể? Hình ảnh “lá cờ đỏ” hiện lên trong tâm trí của Tràng có ý nghĩa gì?)

- Theo trình tự của câu chuyện, các nhân vật đã có những thay đổi như thế nào từ diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử?

Nhóm 4: Nghệ thuật kể chuyện

Phân tích những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện

- Tác phẩm có thể chia thành 4 đoạn chính:

+ Phần 1: từ đầu đến “tự đắc với mình” → Tràng dẫn vợ về nhà.

+ Phần 2: tiếp theo đến “đẩy xe bò về” → Cuộc gặp gỡ của Tràng và thị trong hồi tưởng của Tràng.

+ Phần 3: tiếp theo đến “nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng” → Tình cảm của người mẹ nghèo khổ.

+ Phần 4: còn lại → Niềm tin của cả gia đình vào tương lai.

*** Tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống truyện**

- **Tình huống truyện:** Tràng là một anh chàng sống ở xóm ngụ cư, xấu xí, nghèo khó vậy mà có thể dễ dàng “nhặt” được vợ một cách tình cờ chỉ bằng mấy câu hát vu vơ, mấy lời bông đùa và vài bát bánh đúc.

- **Ý nghĩa của tình huống truyện:** tạo kết cấu chặt chẽ cho tác phẩm, là cơ sở cho các sự việc diễn ra sau đó; tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đẩy con người vào hoàn cảnh khổ đau; thể hiện tình yêu thương giữa con người, giữa những người nghèo khổ với nhau.

3. Nhân vật – Các chi tiết tiêu biểu

*** Trước khi Tràng nhặt được vợ**

- **Tràng:** Người đàn ông ngụ cư, nghèo khổ, làm nghề chở xe bò thuê, bị cái đói làm cho ủ rũ.

- **Người đàn bà:**

+ **Lời lẽ, điệu bộ:** ngoa ngắt, cong cớn, sung sĩa.

+ **Hình dáng:** tiều tụy, rách nát, tả tơi.

+ **Cách ứng xử:** thiếu ý tứ, sán sỏ vì miếng ăn...

*** Trên đường cùng vợ về**

- **Tràng:** mặt phớn phớn khác thường, tùm tùm cười một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh; Tràng nghiêm mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng với đám trẻ con.

- **Người “vợ nhặt”:** Thị cắp cái thúng, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt; Thị có vẻ rón rén, e thẹn.

- **Người dân trong xóm:** phần nào hiểu được câu chuyện của vợ chồng Tràng. Họ bỗng rạng rỡ, tươi tắn hẳn lên như có ý muốn chúc mừng Tràng vì có vợ. Nhưng cũng có người thờ dãi, nghi hoặc. Người khác thì lại cười, cảm thán thay Tràng vì đang trong lúc đói khổ lại lấy vợ.

*** Khi về đến nhà**

quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu)

Nhóm 5: Quan điểm, tư tưởng của nhà văn

- Giữa nhan đề *Vợ nhặt* và nội dung câu chuyện có mối quan hệ với nhau như thế nào?

- Hãy nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận theo định hướng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC cho chương trình Talk Show qua đối thoại của khách mời do các nhóm giới thiệu

- MC cần bật lên: **Vợ nhặt – chứng tích một thời** (nạn đói và số phận con người trước 1945) và **chân lí mọi thời** (Tư tưởng - quan niệm đầy tính nhân văn của nhà văn Kim Lân)

- Đại diện HS các nhóm tham gia chương trình Talk Show (vai khách mời) chia sẻ theo câu hỏi dẫn dắt của MC, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề.

GV nhấn mạnh: Tác giả không nhắc đến tên, quê quán của thị phần nào thể hiện được

- “**Tràng** xăm xăm bước vào trong nhà, nhấc tấm phen rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo...”

- “**Thị** lảng lảng theo hẵn vào trong nhà... Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài... Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo”.

- “**Người đàn bà** theo lời hẵn ngồi mớm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng ngịu. Tràng đứng tây ngậy giữa nhà một lúc, chột hẵn thấy sờ sợ.”

- **Hẵn** nghĩ bụng “Quái sao lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ?...”... tùm tùm cười một mình...

- Bà cụ Tứ:

+ **Giọng điệu:** nhẹ nhàng, thể hiện sự quan tâm, ân cần của một người mẹ với con.

+ **Lời lẽ:** gần gũi, tình cảm, ấm áp (“u cũng mừng lòng”, “tù tôn”, “vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn”...)

*** Buổi sáng hôm sau:**

- **Bà cụ Tứ:** thấy nhẹ nhõm, tươi tỉnh lên hẵn, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẵn lên; bà xăm xăm thu dọn, quét tước nhà cửa.

- **Người “vợ nhặt”:** trở thành người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chông lòn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh.

- **Tràng:** Gắn bó, yêu thương ngôi nhà mình, thấy có trách nhiệm với vợ con, lâng lâng như vừa từ trong giấc mơ đi ra,...

*** Bữa cơm sáng:**

- Chi tiết nồi chè khoán:

+ Nói lên tình cảnh thảm hại của người dân nghèo khổ.

+ Tố cáo tội ác của thực dân, phát xít gây nên nạn đói.

+ Thể hiện tấm lòng đôn hậu của người mẹ.

- **Bà cụ Tứ ngoảnh vợi ra ngoài, “không dám để con dâu nhìn thấy” mình khóc bởi bà đang muốn đem đến cho các con một niềm vui, niềm hy vọng vào cuộc sống tương lai tươi sáng và cũng không muốn các con cảm thấy buồn.**

- Khi nghe người “vợ nhặt” kể lại câu chuyện về việc dân chúng cướp kho thóc của Nhật, Tràng suy tư, nghĩ đến những người đi trên đê Sộp, hiểu ra hành động của họ và cảm thấy hơi tiếc và ân hận.

- Hình ảnh “lá cờ đỏ”

nổi bất hạnh của thị, không việc làm, không nơi nương tựa. Thị gặp Tràng trong hoàn cảnh éo le, theo Tràng về nhà chỉ qua câu hò vui và vài bát bánh đúc. Điều đó chứng tỏ thị là một con người táo bạo hay chính hoàn cảnh khôn khéo không đem đến cho thị lựa chọn khác, thị theo một người đàn ông lạ như một lựa chọn cho cuộc sống bần cùng của mình. Về đến nhà Tràng, thị có chút thất vọng bởi gia cảnh của Tràng nhưng thị nhanh chóng chấp nhận số phận.

+ Như một dấu hiệu cho sự hiện diện của Cách mạng, của Đảng đang đến gần với người dân, cứu vớt họ khỏi cuộc sống nghèo đói, khổ đau.

+ Lá cờ đỏ cũng chính là niềm hy vọng, niềm tin vào một tương lai tươi sáng sẽ đến với cuộc sống của gia đình Tràng, của nhiều gia đình khác vào thời điểm khó khăn lúc bấy giờ.

*** Sự thay đổi của các nhân vật (diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử)**

- **Tràng**: một chàng nông dân **nghèo** sống tại xóm **ngụ cư**, là người bị coi thường bởi xuất thân cho đến diện mạo **xấu xí, thô kệch và to lớn**. Tính cách vô tư, **ngờ ngạc**, có thể nói là **dở hơi**. Nhưng sau khi gặp được thị, đưa thị về nhà và trở thành vợ, dường như sự **thay đổi** lớn này đã khiến Tràng **trưởng thành hơn**. Tràng tự thấy có bổn phận phải **lo cho** vợ, cho hạnh phúc tương lai của gia đình và mình cần phải làm gì đó. Suy nghĩ này đã đánh dấu sự trưởng thành thực sự bên trong con người Tràng. Sau khi nghe vợ kể về sự xuất hiện của Việt Minh, Tràng **nghĩ về những người nghèo đói, nghĩ về cách mạng** và trong lòng sôi sục ý chí về một tương lai tươi sáng.

- **Người “vợ nhặt”**: thị xuất hiện trong tác phẩm là một người phụ nữ khôn khéo, là **nạn nhân của nạn đói**. Trước tình cảm của người mẹ nghèo và với thân phận của một người vợ, thị dần **thay đổi từ chao chát, chông lòn trở thành một người đàn bà hiền hậu đúng mực**

- **Bà cụ Tứ**: nhân vật này xuất hiện với dáng vẻ của **một người mẹ nghèo, già nua, bệnh tật, đã là một người gần đất xa trời**. **Từ ngạc nhiên** khi thấy một người đàn bà lạ ngồi trong nhà, bà **chuyển sang thương** cho số phận bất hạnh của **mình** khi nghe con trai giải thích. Bà **oán trách mình** không đủ khả năng dựng vợ cho con trai, khiến nó phải “nhặt” vợ, bà **thương cho con trai, thương cho người đàn bà**. Nhưng rồi bà nhanh chóng lấy lại tinh thần, **động viên các con hướng về tương lai**. Sang buổi sáng hôm sau, bà **tươi tỉnh và rạng rỡ hẳn lên khi nhìn thấy con trai và con dâu**, bà bắt đầu tính đến **chuyện tương lai của cả gia đình, động viên, khích lệ các con làm ăn, xây dựng tổ ấm**.

4. Nghệ thuật kể chuyện

*** Cách quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu) của người kể chuyện.**

- Tác giả đã đảo phần Tràng đưa vợ về nhà lên trước đoạn gặp gỡ giữa hai vợ chồng. Từ cách đi đứng, dáng dấp cho đến cử chỉ hành động, nét mặt đều được Kim Lân khắc họa tài tình qua từng câu chữ góp phần làm nổi bật lên tính cách đặc thù của mỗi nhân vật. Việc đảo trật tự kể chuyện góp phần tạo sự hấp dẫn, thu hút người đọc muốn tìm hiểu, khám phá câu chuyện sâu hơn sau khi đọc đoạn đầu.

- **Lời kể và giọng điệu gần gũi, thân thuộc** thể hiện đúng về chất phác, thật thà của người nông dân Việt Nam xưa, qua đó ẩn chứa một số phận bất hạnh, một tâm trạng hoang mang, sợ hãi nạn đói nhưng vẫn mang trong mình niềm hạnh phúc nhen nhóm, một tinh thần sẵn sàng vượt lên trên số phận.

5. Quan điểm, tư tưởng của nhà văn

- **Mối quan hệ giữa nhan đề “Vợ nhặt” và nội dung truyện:** Nhan đề “Vợ nhặt” và nội dung câu chuyện có mối quan hệ mật thiết với nhau bởi nó đã nói lên nội dung tư tưởng của tác phẩm. Đó là thân phận rẻ rúng, bần cùng của con người có thể “nhặt” ở bất kỳ đâu, là sự khốn cùng của hoàn cảnh khi Tràng “nhặt” được vợ và mang về nhà, bắt đầu một cuộc sống hôn nhân.

- **Chủ đề của tác phẩm:** Hoàn cảnh khốn khổ của những người nông dân xưa trong nạn đói 1945 và mong muốn vượt lên số phận, vượt qua nạn đói, kiếm tìm hạnh phúc.

- **Giá trị tư tưởng:**

+ **Giá trị hiện thực:**

++ Phản ánh chân thực tình cảnh khốn khổ, thê thảm của nông thôn Việt Nam trong nạn đói 1945.

++ Trong cái đói khổ, con người vẫn không ngừng đấu tranh, giành giật sự sống từ tay thần chết với niềm tin vào tương lai tươi sáng.

++ Tố cáo tội ác của bọn đế quốc, thực dân đã đẩy những người dân Việt Nam vào cùng đường bí lối.

+ **Giá trị nhân đạo:**

++ Phát hiện và phản ánh khát vọng của con người. Cho dù họ bị đẩy vào hoàn cảnh khổ đau, cái chết cận kề, con người vẫn luôn bộc lộ những giá trị phẩm chất, đạo đức truyền thống vốn

	<p>có của mình, khát khao hạnh phúc gia đình, tin tưởng vào tương lai cách mạng.</p> <p>++Tình cảm giữa người với người luôn được đề cao trong tác phẩm.</p>
--	--

2.4: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>GV chuẩn kiến thức.</p>	<p>V. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung</p> <p>Qua truyện “Vợ nhặt”, Kim Lân muốn khẳng định: trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, ngay cả khi cái chết liền kề, những người dân lao động nghèo khổ, lương thiện vẫn yêu thương, đùm bọc lấy nhau, vẫn khát khao mái ấm hạnh phúc gia đình và hy vọng vào một cuộc sống mới tốt đẹp hơn.</p> <p>2. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tình huống truyện độc đáo. - Lối trần thuật tự nhiên, hấp dẫn làm nổi bật sự đối lập giữa hoàn cảnh và tính cách nhân vật. - Tạo không khí và dựng thoại rất hấp dẫn, ấn tượng. - Nhân vật được khắc hoạ sinh động đặc biệt là ngòi bút miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế. - Ngôn ngữ : Bình dị, đời thường nhưng có chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi và đậm chất Bắc Bộ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS
- Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i>.	
	Giới thiệu vắn tắt một thông điệp	2
	Trình bày ngắn gọn quan điểm của mình về thông điệp	6
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Ngay bên vực thẳm của cái chết, ngay trên cái nền bi thảm của nạn đói năm 1945, con người vẫn giữ được lòng tin yêu, vẫn biết khát khao hạnh phúc, vẫn mong ước hướng tới tương lai. Tất cả những đói nghèo, những chết chóc, bi thương bỗng chốc nhòa mờ. Chỉ còn lại tình người sáng lên lấp lánh. Có lẽ, chính tình người đã trở thành thứ sức mạnh diệu kì nhất cứu con người ta thoát khỏi mọi khổ đau, thoát khỏi còng đường, tuyệt lộ. Chính tình người đã khiến một người đàn ông túng đói thành trượng nghĩa, khiến một người đàn bà rách nát tìm được chỗ tựa nương, khiến người mẹ nghèo càng thêm thương con trai mình và càng thêm đồng cảm với người con dâu là “Vợ nhặt”. Trong không khí ảm đạm, chính tình người đã thấp lên hi vọng về sự sống mà còn là sự sống tươi đẹp gắn liền với gia đình ấm êm, hạnh phúc,...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kĩ năng đọc truyện để đọc mở rộng các VB truyện khác, tích lũy được vốn sống cho bản thân

b. Nội dung: Thực hiện các bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 4 và đoạn văn bày tỏ quan điểm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Có thể xem truyện ngắn *Vợ nhặt* là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Nêu và phân tích quan điểm của bạn về điều này.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tác phẩm	Truyện cổ tích	Vợ nhặt
Hoàn cảnh của các nhân vật		
Con đường đến với hạnh phúc		
Kết thúc		
Quan điểm cá nhân		

Nhiệm vụ 2: Sân khấu hóa tác phẩm *Vợ nhặt*

Nhiệm vụ 3: Tìm đọc thêm các tác phẩm truyện ngắn của Kim Lân, các tác phẩm truyện ngắn về nạn đói 1945

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thể hiện quan điểm cá nhân bằng việc hoàn thành phiếu học tập số 4, sân khấu hóa tác phẩm theo nhóm (chuẩn bị kịch bản ở nhà), tìm đọc thêm các tác phẩm (Phân chia công việc theo nhóm nhỏ)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ quan điểm cá nhân nhiệm vụ 1 (tại lớp nếu còn thời gian)
- HS thể hiện sản phẩm sân khấu hóa (sau 1 tuần)
- HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và chia sẻ, trao đổi (sau 1 tuần)

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích.

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo thực hiện nhiệm vụ 1

Không cần đến phép nhiệm màu, con người với trái tim yêu thương và niềm khao khát hạnh phúc đã có thể vươn tới một kết thúc có hậu ngay trong chính hoàn cảnh khốn cùng. Đó chính là sắc màu cổ tích tuyệt đẹp trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân. Kim Lân đã không tặng cho nhân vật của mình một cuộc sống màu hồng như người xưa đã tặng cho Lọ Lem, Bạch Tuyết,... Nhân vật trong truyện được đặt vào giữa cái đói, cái chết. Đến khi kết thúc truyện, sự ám no vẫn chưa tìm đến nhưng họ đã tìm thấy nhau, tìm thấy hạnh phúc, thấy gia đình, thấy tình người. Và đặc biệt, người đọc đến trang cuối vẫn không tìm thấy hũ vàng, không tìm thấy vương miện mà lại cảm nhận được tinh thần lạc quan, ý chí đấu tranh, và niềm tin vào tương lai tươi sáng đang lan tỏa và thôi thúc...

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện ngắn khác có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Chí Phèo* (Trích) – Nam Cao (tác giả, tác phẩm và trả lời câu hỏi SGK)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 4,5,6

VĂN BẢN 2: CHÍ PHÈO (Trích)

- Nam Cao-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

2. Phẩm chất

Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:**

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. **Nội dung hoạt động:** Trò chơi “**Truy tìm bí mật**”

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Trò chơi: Truy tìm bí mật

- GV hướng dẫn HS xem hình ảnh *Tư cách mõ, Lang Rận, Chí Phèo*



- GV đặt câu hỏi: Hãy tìm từ khóa chỉ ra nguyên nhân bi kịch của các nhân vật trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xem hình ảnh, tìm từ khóa trả lời nhanh trên giấy nhớ (Có thể kết hợp vẽ tranh minh họa)
- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS trình bày kết quả bằng cách dán lên bảng tranh minh họa của mình + từ khóa đi kèm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài bằng câu hỏi SGK:

- Thế nào là định kiến xã hội? Các định kiến xã hội có thể ảnh hưởng đến cá nhân và cộng đồng như thế nào?

- Trong thực tế, “Chí Phèo” đã trở thành một kiểu tính cách, lối sống. Đó là kiểu tính cách, lối sống nào?

→Dự kiến trả lời:

- Định kiến xã hội là những suy nghĩ áp đặt theo một quy chuẩn (thường là theo tiêu chuẩn của xã hội cũ) lên hành vi, lối sống của người khác thường là tiêu cực. Các định kiến xã hội có thể đem đến ảnh hưởng rất lớn đến cá nhân, cộng đồng. Những người xung quanh họ sẽ sợ bị phán xét, bị trở thành tâm điểm của các cuộc trò chuyện vì vậy họ không dám là chính mình, theo đuổi đam mê của chính mình. Hay đối với cộng đồng luôn mang trong mình những định kiến sẽ kìm hãm sự phát triển, phá cách của con người và từ đó, kìm hãm cả sự phát triển của toàn xã hội.

- “Chí Phèo” thường chỉ cách cư xử của những kẻ hay nghiện rượu, say xỉn, không chịu khó làm ăn, bòn rút tiền của vợ con, không tử tế, thích đánh lộn, không chịu làm ăn và gây đau khổ cho người khác.

➔ **Vào bài:** Định kiến khiến con người và xã hội sẽ ra sao? Điều gì đã làm nên tên tuổi của nhà văn Nam Cao, đã đưa “Chí Phèo” lên vị trí số một trong văn xuôi hiện đại Việt Nam. Cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong giờ học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng; nhan đề, cốt truyện.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà)</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình chiếu bản PP về tác giả Nam Cao và giới thiệu chung về <i>Chí Phèo</i>, đại diện HS thuyết trình trước lớp. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Đọc - Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả Nam Cao</p> <p>a. Sự nghiệp văn học</p> <p>- Đề tài sáng tác + Đời sống cơ cực của người nông dân. + Các bi kịch của tầng lớp trí thức nghèo ở thành thị.</p> <p>- Tác phẩm tiêu biểu “Chí Phèo”, “Giăng sáng”, “Lão Hạc”, “Đời thừa”, “Truyện người hàng xóm” “Sống mòn”, “Đôi mắt”, “Ở rừng”, ...</p> <p>b. Phong cách nghệ thuật - Chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu; - Cách kết cấu linh hoạt;</p>

<p>Học sinh tóm tắt bằng lời hoặc theo sơ đồ tư duy</p>	<p>- Cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng.</p> <p>c. Vị trí và tầm ảnh hưởng</p> <p>- Nam Cao khẳng định vị trí trong lịch sử văn học bằng thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết.</p> <p>- Là nhà văn lớn, một cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại.</p> <p>- Là nhà văn hiện thực nhân đạo xuất sắc của thế kỉ XX.</p> <p>2. Tác phẩm Chí Phèo</p> <p>a. Đọc văn bản</p> <p>b. Tìm hiểu chú thích</p> <p>c. Nhan đề</p> <p>- Lúc đầu, Nam Cao đặt tên truyện là <i>Cái lò gạch cũ</i>.</p> <p>- Nhà xuất bản Đời mới năm 1941, đổi thành <i>Đôi lứa xứng đôi</i>.</p> <p>- Năm 1945 trong tập <i>Luống cày</i> do Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản, tác giả đặt tên mới là <i>Chí Phèo</i>.</p> <p>=> Ý nghĩa nhan đề:</p> <p>+ Chí: Ý chí, nghị lực, lương thiện (tốt đẹp).</p> <p>+ Phèo (tiếng lóng): Lộn tung phèo</p> <p><i>Chí Phèo</i>: Những điều lương thiện, tốt đẹp bỗng nhiên mất đi.</p> <p>d. Tóm tắt cốt truyện</p>
---	---

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đối giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>*Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản</p> <p>*Nhiệm vụ 2.1: Tìm hiểu mạch truyện</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS nghiên cứu văn bản, tìm hiểu mạch truyện</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ HS. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu mạch truyện - HS nhận xét lẫn nhau. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức.</p> <p>*Nhiệm vụ 2.2: Tìm hiểu đề tài – chủ đề</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tranh biện cặp đôi tìm hiểu đề tài, chủ đề của văn bản.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tranh biện cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV quay cảnh tranh biện từ 1 -2 cặp đôi sau đó trình chiếu trước lớp, yêu cầu các cặp đôi khác đóng góp ý kiến, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Mạch truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chí Phèo vừa đi vừa chửi. - Chí Phèo là trẻ mồ côi, không rõ nguồn gốc. - 20 tuổi làm canh điền cho Bá Kiến, bị Bá Kiến ghen và đẩy vào tù, bị tha hoá. - Chí Phèo quay về làng Vũ Đại tìm Bá Kiến trả thù nhưng bị Bá Kiến lừa gạt, dụ dỗ và biến Chí thành tay sai cho hắn. Chí Phèo trở thành con quỷ dữ, trượt dài trên tội lỗi. - Chí gặp và yêu Thị Nở, nhớ lại quá khứ khi chưa đi tù, muốn quay về cuộc sống lương thiện. Hắn bị từ chối, thất vọng, nhận ra bị kịch bản thân. Chí tìm giết Bá Kiến và tự sát. - Thị Nở nghĩ về những “Chí Phèo con” trong tương lai. <p>2. Đề tài – chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước năm 1945: một bộ phận nông dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa.

GV đánh giá phân trình bày của HS

***Nhiệm vụ 2.3: Tìm hiểu không gian, thời gian.**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS xác định:

1. Thời gian trong truyện:
 - a. Chiều hướng, trật tự thời gian trong truyện.
 - b. Nhịp điệu, sự vận động của thời gian.
2. Truyện mở ra những không gian nghệ thuật nào?
3. Sự kết hợp giữa không gian và thời gian nghệ thuật trong “Chí Phèo”?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Đây là vấn đề không dễ, GV hướng dẫn HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để kích thích tư duy những học sinh có năng lực cảm thụ tốt.

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày suy nghĩ cá nhân.

- HS khác bổ sung thêm những cảm thụ riêng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV đánh giá phân trình bày của HS.

3. Không gian, thời gian

a. Thời gian

- **Chiều hướng, trật tự thời gian:**

+ *Thời gian đa chiều.*

++ Đoạn mở truyện tả tiếng chửi của Chí Phèo trong hiện tại

++ Đoạn văn tiếp theo là thời gian quá khứ về nguồn gốc Chí Phèo

++ Tiếp đến là quá khứ gần của Chí: làm canh điền cho ông lí Kiến” rồi “đi tù”, rồi hấn lại lù lù về.

++ Câu chuyện quá khứ khép lại, nhà văn đưa người đọc trở về với cuộc sống hiện tại của Chí. Nhưng trong hiện tại lại gợi những hình ảnh của quá khứ.

++ Đoạn kết tác phẩm “Chí Phèo”, khi nghe tin Chí Phèo chết, Thị Nở nhìn nhanh xuống bụng, trong óc thị thoáng hiện ra cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người qua lại. Ở đây, hiện tại, quá khứ soi sáng cho nhau, tạo nên sự cộng hưởng về cảm xúc và ấn tượng cho người đọc trong sự phỏng đoán về tương lai

+ *Thời gian hồi tưởng – tâm tưởng.*

Chí Phèo đối diện với cảnh sống hiện tại, cảnh vật ngày hôm nay như kêu gọi kỷ niệm của ngày qua. Mơ ước xưa hiện về. Hấn đã mất ý thức về thời gian. Nhưng sau lần gặp thị Nở, tình cảm tự nhiên và sự săn sóc tận tình của người đàn bà tội nghiệp này đã góp phần đánh thức ý thức về nhân phẩm và cùng với nó là ý thức về thời gian của Chí Phèo

- **Nhịp điệu, sự vận động của thời gian:**

+ Trong truyện “Chí Phèo”, nhịp điệu thời gian có khi chậm lại bởi những đoạn suy tư và hồi tưởng của Chí về thời quá khứ.

+ Nhưng cũng có khi thời gian lại vận động rất nhanh khi tác giả kể về quá trình tha hóa nhân tính lẫn nhân hình ở nhân vật Chí Phèo.

***Nhiệm vụ 2.4: Tìm hiểu lời kể, ngôi kể và điểm nhìn**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 5 nhóm, hướng dẫn HS tìm hiểu về lời kể, ngôi kể và điểm nhìn văn bản qua hình thức trao đổi, thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn.

- **Nhóm 1:** Tìm hiểu sự luân phiên của các điểm nhìn.

- **Nhóm 2:** Tìm hiểu điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu.

- **Nhóm 3:** Tìm hiểu điểm nhìn trong phân đoạn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến.

- **Nhóm 4:** Tìm hiểu điểm nhìn trong phân đoạn Chí Phèo lúc đón nhận bát cháo hành của thị Nở.

- **Nhóm 5:** Tìm hiểu điểm nhìn trong đoạn kết thúc tác phẩm.

GV phát PHT riêng cho từng nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.

=> Thời gian tâm lí.

b. Không gian nghệ thuật trong truyện “Chí Phèo” – Nam Cao:

- **Không gian làng Vũ Đại:** “Chí Phèo” có phạm vi hiện thực được phản ánh trải ra trên cả bề rộng không gian (một làng quê): làng Vũ Đại - hình ảnh thu nhỏ của xã hội phong kiến nông thôn Việt Nam đương thời.

- **Không gian túp lều ven sông.**

- **Không gian đêm trăng.**

c. Sự kết hợp giữa không gian và thời gian nghệ thuật trong “Chí Phèo”:

Không gian và thời gian nghệ thuật trong truyện “Chí Phèo” nhiều khi lẫn vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau. Thời gian và không gian của tâm lí (nhân vật).

4. Lời kể, ngôi kể và điểm nhìn

- **Sự luân phiên của các điểm nhìn:**

Điểm nhìn của người kể được luân phiên với điểm nhìn của nhân vật, có tác dụng tạo cảm giác thú vị, thu hút người đọc.

- **Điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu:** dịch chuyển linh hoạt giữa người kể chuyện với nhân vật thông qua hệ thống lời kể. Mở đầu truyện ngắn là cái nhìn trần thuật của người kể chuyện. Sau đó, với hình thức lời nửa trực tiếp, điểm nhìn của chủ thể trần thuật lại hóa thân vào điểm nhìn của Chí Phèo.

=> Hình thức này cho phép chủ thể trần thuật di chuyển điểm nhìn linh hoạt, đồng thời với kiểu đọc thoại nội tâm, chủ thể trần thuật có điều kiện soi chiếu vào những mảng tâm trạng sâu kín nhất của nhân vật, giúp người đọc hiểu rõ hơn về từng nhân vật trong tác phẩm.

- **Điểm nhìn trong phân đoạn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến:** Người kể không hoàn toàn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến chỉ từ điểm nhìn của mình bởi trong lời kể của tác giả có đan xen lời bàn

- Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.
- HS bổ sung, nhận xét lẫn nhau.

Thao tác 1:

Tìm hiểu sự luân phiên của các điểm nhìn.

Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung.

Thao tác 2:

Tìm hiểu điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu.

Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung.

Thao tác 3: Tìm hiểu điểm nhìn trong phân đoạn miêu tả cảnh Chí Phèo gây sự với người nhà bá Kiến.

Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung.

Thao tác 4: Tìm hiểu điểm nhìn trong phân đoạn Chí Phèo lúc đón nhận bát cháo hành của thị Nở.

Đại diện nhóm 4 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 5 đặt câu hỏi phản biện.

Các nhóm nhận xét, bổ sung.

Thao tác 5: Tìm hiểu điểm nhìn trong đoạn kết thúc tác phẩm

Đại diện nhóm 5 báo cáo sản phẩm học tập.

Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện.

GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét đánh giá kết quả của các nhóm và cho điểm.

- GV chuẩn hóa kiến thức.

tán, xì xèo, suy luận của người dân xung quanh đứng hóng chuyện.

- *Điểm nhìn trong phân đoạn Chí Phèo lúc đón nhận bát cháo hành của Thị Nở:*

+ Người kể chuyện đặt điểm nhìn của mình với vai trò là người chứng kiến toàn bộ sự việc, hiểu rõ tính cách cũng như tâm lý của những người trong cuộc, từ đó đưa ra cách miêu tả chân thực nhất về diễn biến tâm lý của từng nhân vật.

+ Thái độ người kể chuyện đối với Chí Phèo và Thị Nở: Qua hệ thống điểm nhìn và lời kể, người kể chuyện đã đặt mình và vị trí của nhân vật, nói lên tâm tư, nguyện vọng của họ. Chí Phèo thì muốn quay lại làm người lương thiện, muốn có cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Thị Nở thì khát khao hạnh phúc dù xấu xí và đã quá tuổi lấy chồng. Tất cả đều thể hiện sự tôn trọng đối với mỗi nhân vật.

+ Giọng điệu trần thuật: gần gũi, dễ hiểu, thể hiện rõ sự thay đổi trong tâm sinh lý của Chí Phèo từ con quỷ làng Vũ Đại muốn trở lại làm người bình thường, kiếm tìm hạnh phúc.

- *Điểm nhìn trong đoạn kết thúc tác phẩm:*

+ Từ vai trò là một người kể chuyện, chứng kiến toàn bộ câu chuyện diễn ra, hiểu rõ diễn biến, tâm lý của mỗi nhân vật, tác giả chuyển mình thành giọng điệu của người dân làng Vũ Đại, bàn tán xôn xao về vụ việc vừa qua với những sắc thái, cung bậc cảm xúc khác nhau.

+ Người kể chuyện không đưa ra lời bình luận trực tiếp nào cho sự việc xảy ra ở làng Vũ Đại mà thể hiện sự đánh giá của mình qua lời nói của người dân làng Vũ Đại.

=> Qua đó, người kể chuyện thể hiện góc nhìn đa chiều của mình.

*** *Nhận xét chung về lời kể và điểm nhìn:*** Lời kể và điểm nhìn của người kể chuyện thể hiện thái độ công bằng, bình đẳng, đánh giá một cách trung thực, khách quan nhất về nhân vật Chí

***Nhiệm vụ 2.5: Tìm hiểu nhân vật**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm bằng cách tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhân vật với Chí Phèo.

- GV lưu ý: Với mỗi mối quan hệ, HS tìm hiểu thái độ, tình cảm các nhân vật trong mối quan hệ với Chí Phèo, đặc biệt HS tìm được những chi tiết đặc sắc và cảm thụ được chi tiết đó.

Nhóm 1: Làng Vũ Đại - Chí Phèo

- Vì sao Chí Phèo lại khiến làng Vũ Đại e sợ khi hắn **mới ra** tù trở về làng?

- Lí do bà cô thị Nở dứt khoát không cho cháu mình đến với Chí Phèo có thỏa đáng không?

Nhóm 2: Bá Kiến - Chí Phèo

- **Bá Kiến đã chọn giọng điệu nào để nói với Chí Phèo?**

- **Mục đích thực sự của bá Kiến trong cuộc nói chuyện này là gì?**

Nhóm 3: Thị Nở - Chí Phèo

- Lòng trắc ẩn của thị Nở dành cho Chí Phèo được thể hiện qua ý nghĩ và hành động nào?

- Ý nghĩa của hình ảnh cái lò gạch cũ là gì?

Phèo. Với ông, con người đều có quyền bình đẳng, phê phán xã hội vô nhân đạo đầy đọa con người. Vì vậy, dưới góc nhìn khách quan của mình, Nam Cao đã đòi lại công bằng cho một người được coi là “đáy xã hội”, bị mọi người hắt hủi.

5. Nhân vật

a. Làng Vũ Đại - Chí Phèo

- Thái độ làng Vũ Đại khi Chí Phèo mới ra tù trở về làng: e sợ, vì:

+ Ngoại hình như thằng săng đá (cái đầu trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất công cong, hai mắt gườm gườm trông gớm chết... Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế).

+ Hành động của hắn: uống rượu say khướt; chửi bới ở cổng nhà bá kiến; tay lúc nào cũng nhăm nhăm cầm cái vỏ chai; ăn vạ...

- Bà cô Thị Nở - đại diện cho định kiến - dứt khoát không cho cháu mình đến với Chí Phèo:

+ Bà nhìn lại mình rồi áp đặt lên Thị Nở, bà cho rằng đã ngoài 30 tuổi rồi ai lại đi lấy chồng.

+ Hơn nữa, Chí Phèo còn là thằng không cha không mẹ, còn làm nghề rạch mặt ăn vạ, bà thấy nhục nhã thay cháu mình.

b. Bá Kiến - Chí Phèo

- Nói giọng nhỏ nhẹ: “Anh Chí ơi! Sao anh lại làm thế?”; “Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết...”

- Chuyển sang giọng nói thân mật: “Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi! Đi vào nhà uống nước.”; “Nào đứng lên... mang tiếng cả...”

- Đưa mắt nháy con một cái và quát: “Lý Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước, mau lên!”

=> Dụ dỗ để dần biến Chí thành tay sai cho hắn.

c. Thị Nở - Chí Phèo

Nhóm 4: Chí Phèo – Chí Phèo

GV lưu ý: khi tìm hiểu về nhân vật trung tâm Chí Phèo, ta không chỉ xét mối quan hệ giữa Chí Phèo với các nhân vật khác mà còn cần tìm hiểu mối quan hệ giữa Chí Phèo với chính con người bên trong của Chí.

Gợi ý tìm hiểu:

- Chỉ ra diễn biến tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ với thị Nở đêm trước?

- Phân tích phản ứng tâm lí và hành động của Chí Phèo sau khi bị thị Nở từ chối chung sống.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận tìm hiểu nhân vật trong từng mối quan hệ

- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Để đánh thức tâm lòng đồng cảm của học sinh, GV có thể tổ chức trò chơi: **Trải nghiệm đời Chí.**

Hình thức: Chọn một HS trong nhóm Chí Phèo – Chí Phèo đóng vai Chí Phèo.

Bước 1: Chí Phèo bộc lộ những suy nghĩ của chính mình.

Bước 2: Các nhóm còn lại lần lượt lên dán sản phẩm thảo luận của nhóm lên bảng.

Bước 3: Các HS quan sát kết quả của các nhóm, nhận xét, bổ sung theo bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV đánh giá phần trình bày của HS

GV nhấn mạnh:

→ Từ một tên nát rượu, Chí Phèo dần tìm lại được chính mình trong ngọn lửa tình yêu nhen

- Hành động thể hiện lòng trắc ẩn của thị Nở dành cho Chí Phèo: Thị nghĩ hẳn bị ốm và nấu cháo cho hẳn ăn => Sự quan tâm, lo lắng của một người đàn bà dành cho Chí Phèo.

- Hình ảnh cái lò gạch cũ: Thị Nở nghĩ về “Chí Phèo con” trong tương lai.

=> Một vòng tròn luân quản gợi về một quy luật tàn bạo trong xã hội cũ.

d. Chí Phèo – Chí Phèo

- **Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau cuộc gặp gỡ với thị Nở đêm trước:**

+ Hẳn **nghe thấy** tiếng chim ríu rít bên ngoài

+ Hẳn **nhận ra** cái lều ẩm thấp vẫn mới chỉ hơi lờ mờ. Chưa bao giờ hẳn nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

+ Hẳn **bâng khuâng** như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài.

+ **Nghĩ đến rượu** hẳn thấy **hơi rùng mình**

+ Hẳn **nghe thấy** tiếng chim hót ngoài kia vui quá. **Nghe thấy** tiếng cười nói của người đi chợ, tiếng gõ mái chèo... Chao ôi là **buồn!**

+ Hẳn **nghĩ về ao ước** của mình **trước kia**, từng mong muốn có một gia đình nhỏ. Chồng cuộc mướn cày thuê, vợ dệt vải...

+ Rồi hẳn **lại thấy** mình già rồi mà vẫn cô độc, tự thấy **buồn** cho đời...

- **Phản ứng tâm lý và hành động của Chí Phèo sau khi bị Thị Nở từ chối chung sống:**

+ Hẳn đang chìm đắm trong tình yêu, nghĩ về một tương lai tươi sáng cho cả hai và tự thấy vui trong mình.

+ Thị Nở đột nhiên đến, chửi vào mặt hẳn, hẳn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hẳn bỗng ngăn người → cảm giác hụt hẫng khi bị từ chối.

+ Thoáng một cái, hẳn lại như hít thấy hơi cháo hành

+ Thị bỏ về, hẳn sững sốt, đứng lên gọi lại. Hẳn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hẳn lẩn khoèo xuống sân.

nhóm. Hắn nhận thấy cuộc sống xung quanh thật tươi đẹp, cái mà dường như rất lâu rồi hắn chưa hề được cảm nhận. Hắn nghĩ ngợi về cuộc đời, về tương lai rồi lại thấy buồn cho đời mình đã bỏ lỡ, phí hoài bao nhiêu thứ. Suy nghĩ này đã đánh dấu quá trình hoàn lương của Chí Phèo đang thực sự diễn ra, hắn thật sự đang quay trở lại làm người.

GV nhấn mạnh: => Chính sự quan tâm của thị mà tiêu biểu là hình ảnh bát cháo hành giản dị đã thúc đẩy quá trình hồi sinh nhân tính bên trong con người Chí Phèo. Tình cảm con người đã cảm hóa được một con người -> hắn muốn níu giữ tình cảm này và muốn nó phát triển nó, tạo dựng một hạnh phúc hoàn chỉnh.

- Việc Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến ở phần cuối truyện: Không phải hoàn toàn do hắn say. Hắn luôn nhận thức được kẻ thù thực sự của đời hắn. Chỉ có điều ngày thường bị che lấp bởi lót quý dữ, nay phần người đã trở lại thì mối thù ấy bùng lên mãnh liệt.

***Nhiệm vụ 2.6: Tìm hiểu giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn tìm hiểu giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ.
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày kết quả.
- HS khác bổ sung thêm những cảm thụ riêng.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV đánh giá phần trình bày của HS.

→ Hắn muốn níu kéo, muốn giữ lại niềm hạnh phúc mới được nhen nhóm của mình.

+ Hắn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Hắn nghĩ: đập đầu ở đây chỉ thiệt; đập đầu ở đây, để mà nằm ăn vạ ai?...

+ Hắn muốn đến đâm chết con khom già nhà nó... Muốn đập đầu, phải uống thật say, uống thêm chai nữa. Và hắn uống. Nhưng càng uống càng tỉnh ra. Hắn lại cứ thẳng đường mà đi đến nhà bá Kiến.

=>Người kể chuyện có đưa ra những phán đoán đáng tin cậy để người đọc hiểu được tâm lí và hành động của nhân vật.

- Sự ám ảnh của hơi cháo hành đối với Chí Phèo:

+ Lần đầu tiên hắn được chăm sóc bởi bàn tay của một người đàn bà. Bát cháo hành chính là minh chứng rõ nhất cho sự quan tâm, chăm sóc hay chính là tình yêu của thị Nở dành cho hắn

+ Trong khi hắn đang muốn quay lại làm người, thị xuất hiện, trút giận lên hắn đã khiến hắn tỉnh ra, hơi cháo hành xuất hiện như một sự hồi niệm về một mối tình ngắn ngủi thoáng qua giữa hai người.

- Câu nói “Ai cho tao lương thiện?”: Đây không phải là lời của một kẻ say, đây chính là lời của một Chí Phèo chân chính muốn nói, hắn đã tỉnh táo sau khi gặp thị Nở, con người chân chính của hắn đã quay về và hắn muốn trở lại làm người, làm một người bình thường như hắn từng mong ước.

6. Giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo

- Giá trị hiện thực:

+ Sự đàn áp, bóc lột và tàn ác của bọn thực dân, phong kiến đối với những người nông dân trong xã hội xưa.

+ Số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng vô cùng thê thảm, bần cùng và trở thành lưu manh. Họ bị đẩy vào con đường tha

	<p>hóa, lưu manh hóa và cái chết là điều tất yếu để giải thoát họ khỏi những đau khổ.</p> <p>- Giá trị nhân đạo:</p> <p>+ Lời kết án đanh thép xã hội thực dân, phong kiến tàn bạo đã tàn phá cả thể xác và tâm hồn người nông dân lao động hiền lành, chất phác.</p> <p>+ Niềm cảm thông, chia sẻ, đau xót khi chứng kiến những con người hiền lành, lương thiện bị dày vò, tha hóa thành con quỷ dữ của cả làng Vũ Đại.</p> <p>+ Khẳng định niềm tin của tác giả vào bản chất lương thiện của những người nông dân cả khi tưởng như họ đã mất cả nhân hình lẫn nhân tính</p> <p>+ Là lời cảnh báo của tác giả với số phận của những người nông dân Việt Nam trước Cách mạng, nếu không thay đổi thì cuộc sống của họ cũng sẽ bế tắc, tuyệt vọng, tha hóa, lưu manh hóa và cái chết sẽ là điều không thể tránh khỏi.</p>
--	--

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện được đúng đủ nội dung		
2	Cách thể hiện phong phú, không đơn điệu		
3	Thiết kế phần trình bày đẹp, sinh động, hấp dẫn		
4	Thể hiện được sâu sắc nội dung		
5	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyên giao nhiệm vụ:	IV. Tổng kết 1. Nội dung

- Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin cơ bản nào?
- Hệ thống hóa những nét đáng chú ý trong nghệ thuật kể chuyện của Nam Cao ở truyện ngắn *Chí Phèo*?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút.
- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV chuẩn kiến thức.

- Chí Phèo là một kiệt tác của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại.

- Qua đó, nhà văn kết án đanh thép xã hội tàn bạo ấy, đồng thời thể hiện niềm thương cảm, lòng nhân đạo đối với số phận những người nông dân.

2. Nghệ thuật

- Xây dựng thành công nhân vật điển hình bất hủ, đặt trong một xã hội điển hình để người đọc có thể nhận rõ được tính cách, số phận của nhân vật, của cả một lớp người mà nhân vật ấy làm đại diện.

- Nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tự nhiên mà vẫn nhất quán, chặt chẽ với giọng điệu có vẻ thờ ơ, lạnh lùng, khách quan song đằng sau đó là sự xót thương, cảm thông của tác giả với nhân vật.

- Ngôn ngữ nghệ thuật đặc sắc.

- Bút pháp miêu tả tâm lí và diễn biến tâm lí tinh vi, sắc sảo.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về chi tiết bất chạo hành của Thị Nở trong truyện ngắn *Chí Phèo*.

Nhiệm vụ 2: So sánh và nhận xét về đoạn kết của hai truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) và *Vợ nhặt* (Kim Lân).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ 1 theo cá nhân (tại lớp hoặc ở nhà).
- HS thực hiện nhiệm vụ 2 theo nhóm (tại lớp hoặc ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 1-2 HS có đoạn viết hoàn chỉnh).
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bạn về chi tiết bát cháo hành của Thị Nở trong truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> .	
	Giới thiệu vị trí của chi tiết trong truyện ngắn <i>Chí Phèo</i>	2
	Ý nghĩa của chi tiết đối với Chí Phèo, đối với tác phẩm, với nhà văn,...	6
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

* Nhiệm vụ 1:

Đoạn văn tham khảo

Bát cháo hành là biểu tượng của tình người ấm nóng duy nhất còn sót lại nơi làng Vũ Đại. Có thể bát cháo với mỗi người chỉ là thứ vụn vặt. Cháo ấy có thể không ngon nhưng chan chứa tình người, một tình người hồn nhiên, vô tư, không vụ lợi mà Thị Nở dành cho Chí. Cháo hành trở thành vị thuốc giải cảm, giải độc cho Chí. **Sau khi bị thổ**, lần đầu tiên Chí tỉnh, lần đầu tiên cảm nhận được cuộc sống, nghe thấy những âm thanh xung quanh. Và ước mơ xa xăm năm nào trở lại trong trí não của hắn. Ước mơ về gia đình nho nhỏ, chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Trận ốm làm cho hắn thoát khỏi cơn say triền miên mà nhận thức được mình, thấy mình đang ở cái dốc bên kia cuộc đời, biết sợ tuổi già, ốm rét và cô độc. **Bát cháo khiến Chí phải ăn năn** về những hành động mình đã làm. Cũng chính bát cháo đã **gợi thức phần lương tri** ngủ quên trong lốt “con quỷ dữ làng Vũ Đại”. Từ ăn năn, hối hận, Chí bỗng thấy thêm lương thiện, thêm trở về cuộc sống ngày trước. Bát cháo hành **dẫn đường cho hi vọng hoàn lương** nhưng **cũng là chi tiết đẩy bi kịch của Chí lên đến đỉnh điểm**. Sau năm ngày ở với Chí, Thị Nở bỗng nhớ ra mình còn bà cô và quyết quay về xin ý kiến. Thị bị bà cô xía xói vào mặt và khi quay lại nhà Chí Phèo, thị cũng chửi lại bằng tất cả những lời của bà cô và vùng vằng bỏ về. Chí níu kéo nhưng bị Thị xô đẩy, Chí rơi xuống hố sâu của tuyệt vọng. Thị Nở đã phụ bạc hắn, hắn không còn cơ hội để quay về với cuộc sống lương thiện. Tuyệt vọng hắn uống rượu nhưng càng uống càng tỉnh và thoang thoang “hơi cháo hành”. Đó là biến thể của bát cháo hành. Hắn không say, vị ngọt của tình người cứ thoang thoang để hắn đau khổ “khóc rung rức”. Cuối cùng hắn lựa chọn cầm dao đến nhà bá Kiến, đâm bá Kiến và tự sát. Hơi cháo hành không cho phép hắn trở lại con đường cũ, cuộc sống của con quỷ dữ. Hắn trở về lương thiện chỉ có thể bằng tự sát. Bát cháo hành gợi dậy con người trong Chí để nó thức dậy dù đau khổ, bi kịch. Bát cháo hành chính là cánh cửa đưa nó thoát khỏi kiếp đọa đầy. Bát cháo hành một chi tiết nghệ thuật của Nam Cao **góp phần thể hiện tư tưởng của nhà văn về quan niệm nhân sinh**. Lòng tốt đôi khi phải trả một cái giá cắt

cổ. Và đó còn là **niềm tin của nhà văn về người nông dân** dù có bị bầm dập về nhân hình nhưng không bao giờ mất đi nhân cách tốt đẹp.

***Nhiệm vụ 2:**

- **Giống nhau:** đều là những cái kết mở, để lại cho người đọc những suy nghĩ sâu xa về diễn biến câu chuyện tiếp theo.

- **Khác nhau:**

+ Trong đoạn kết của *Vợ nhặt*, tác giả gợi ra cho người đọc về một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn với sự xuất hiện của cách mạng qua hình ảnh lá cờ đỏ. Để lại ấn tượng mạnh trong người đọc về một cái kết có hậu, con người sẽ sớm thoát khỏi nạn đói, gia đình của Tràng sẽ có cuộc sống hạnh phúc và tốt đẹp hơn

+ Trong đoạn kết của *Chí Phèo*, tác giả để lại ấn tượng cho người đọc về một tương lai mờ mịt, đen tối qua hình ảnh lò gạch cũ – nơi Chí Phèo bị bỏ rơi. Phải chăng tác giả muốn truyền tải thông điệp rằng còn những người như Bá Kiến, như Đội Tảo sẽ còn những người bất hạnh, khổ đau như Chí Phèo. Đây có thể coi là một cái kết buồn.

- **Nhận xét:**

Dù kết của hai truyện là không giống nhau nhưng nó đều truyền tải đến một ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Một bên là niềm tin mãnh liệt của con người vào tương lai, vào cuộc sống hạnh phúc, một bên dù cuộc sống còn nhiều bất công nhưng con người vẫn sẽ mang trong mình bản tính lương thiện, đến thời điểm nhất định nó vẫn sẽ được biểu hiện dù hoàn cảnh có đầy đọa họ như thế nào. Qua đó ta có thể thấy, cả hai tác giả đều có niềm tin mãnh liệt vào con người, vào ý chí của họ sẽ giúp họ vượt qua mọi khó khăn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện sơ đồ tư duy nội dung bài học.
- Học sinh vận dụng những kiến thức đã học để phát triển năng lực của bản thân.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi “Tìm kiếm tài năng”.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy nội dung bài học, diễn xuất, tạo poster nhân vật Chí Phèo.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Tổ chức cuộc thi “**Tìm kiếm tài năng**” với các hình thức: thi diễn xuất, vẽ sáng tạo sơ đồ tư duy, tạo poster nhân vật Chí Phèo.

- Chia lớp thành 2 khu vực: Diễn viên, Họa sĩ.

- Giáo viên cung cấp: trang phục + giấy, bút vẽ cho họa sĩ.

- Thời gian: chuẩn bị: 5 phút, thể hiện: 5 phút.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo khu vực lựa chọn:

+ Khu vực diễn viên: chọn đoạn trích trong “Chí Phèo”, ghi nhớ nội dung và nhập vai diễn thử, góp ý cho nhau.

+ Khu vực họa sĩ: vẽ hoàn thiện sơ đồ tư duy, tạo poster nhân vật Chí Phèo khái quát nội dung bài học theo cách sáng tạo nhất.

- Cử đại diện lên thể hiện tài năng.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS mỗi nhóm cử đại diện thể hiện tài năng.

- HS khác quan sát, nhận xét phần thể hiện của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của các nhóm, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS tài năng.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.

- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Cái ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư) và Thực hành tiếng Việt (Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,4,5,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....

THỰC HÀNH ĐỌC

CÁI OI!

(Nguyễn Ngọc Tư)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

2. Phẩm chất

Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu video, HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem video: <https://www.youtube.com/watch?v=dweIkOOjUok&t=347s> (7:50 - 9:13)

- Xác định các nhân vật trong cảnh phim?

- Dựa vào bối cảnh phim, em phán đoán tình thế của các nhân vật?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 3 – 5 HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→ **Dự kiến trả lời và dẫn vào bài:**

- Nhân vật trong cảnh phim: Bố - Con gái.

- Tình thế các nhân vật:

+ Bố cáu giận vì cái đài hỏng nhưng giận lây sang con gái vì nhìn con gái mà nghĩ đến người mẹ đã bỏ đi -> Ném chiếc đài vào mặt con.

+ Con gái lúc đầu muốn an ủi bố nhưng trước cơn giận của bố đành câm nín, nhẫn nhục và chịu đựng.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học, vị trí và tầm ảnh hưởng; thể loại, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, cốt truyện, bố cục.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập).</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà).</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày nhanh 1 phút về tác giả và tác phẩm. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần): 	<p>I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm</p> <p>1. Tác giả Nguyễn Ngọc Tư</p> <p>a. Tiểu sử</p> <p>Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, là một gương mặt truyện ngắn tiêu biểu của văn học hiện đại Việt Nam.</p> <p>b. Sự nghiệp văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm nổi bật: “Cánh đồng bất tận”, “Ngọn đèn không tắt”,... - Phần giới thiệu từ video (HS tự xem thêm) <p>c. Vị trí và tầm ảnh hưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lọt vào top 50 người phụ nữ có ảnh hưởng nhất tại Việt Nam 2018 do tạp chí Forbes bình chọn. <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Thể loại: Truyện ngắn.</p> <p>b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm trong tập truyện “Cánh đồng bất tận” được phát hành năm 2005. - Viết về mảnh đất và con người Nam Bộ chân thành, sâu nặng nhưng lại mộc mạc, giản dị, chân chất. <p>c. Tóm tắt tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Cải ơi” – tác phẩm truyện ngắn đặc sắc của Nguyễn Ngọc Tư nói về một hành trình đầy gian khổ đi tìm đứa con gái thất lạc tên “Cải” của người cha tên “Năm” đã gần 12 năm trời.

- Cái không phải là con ruột của ông, đó là con riêng của vợ hai ông với người chồng trước đó nhưng với tình yêu con, bảo vệ con nên ông đã chăm sóc và nuôi dưỡng con như con đẻ của mình.

- Một tình cảnh éo le khiến gia đình ông mâu thuẫn, Cái làm mất đôi trâu của nhà nên đã bỏ nhà đi, ông Năm bị đồn tiếng xấu là hại con đem giấu xác. Tất cả mọi người bà con láng giềng đều không tin tưởng ông. Vì quá buồn bã ông Năm quyết định đi tìm Cái.

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đổi giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HS các nhóm tìm hiểu văn bản, cụ thể:</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu nhan đề truyện.</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu chủ đề truyện.</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu câu chuyện và cách tổ chức truyện kể.</p>	<p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Ý nghĩa nhan đề</p> <p>Tên truyện là một câu cảm thán, một tiếng gọi thiết tha, náo nê, tuyệt vọng: “Cái ơi!”</p> <p>=>Nhan đề góp phần thể hiện tình cảm yêu thương của người cha dành cho con mặc dù bị nói tiếng xấu nhưng cha vẫn hết lòng vì con, bảo vệ con.</p> <p>2. Chủ đề truyện</p> <p>Truyện ngắn “Cái ơi!” gây xúc động mạnh cho bạn đọc bởi tình cha sâu sắc cùng lời văn mộc mạc nhưng chan chứa cảm xúc. Cái buồn trong “Cái ơi” dường như nhắc nhở bạn đọc thêm</p>

Nhóm 4: Tìm hiểu người kể chuyện.

Nhóm 5: Tìm hiểu hệ thống điểm nhìn trong tác phẩm.

Nhóm 6: Tìm hiểu lời của người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS hoàn thành nhiệm vụ theo nhóm, kết quả được ghi lại trên giấy A0.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

trân trọng, biết ơn những đấng sinh thành của mình - những người đã dốc hết tâm sức mình để nuôi nấng chúng ta.

3. Câu chuyện và cách tổ chức truyện kể

Câu chuyện	Cách tổ chức truyện kể
Truyện kể về hành trình ông Năm Nhỏ đi tìm đứa con gái tên Cải đã đi biệt từ năm mười ba tuổi. Ông Năm Nhỏ bị nghi ngờ vì không phải ba ruột mà đối xử tệ với nó rồi ông quyết định bỏ đi tìm nó. Và hành trình tìm Cải gần 12 năm bắt đầu...	- Các sự kiện trong truyện diễn không theo trình tự: + Mở đầu tác phẩm, tác giả nói về hiện tại; + Tiếp đó, tác giả kể về những điều đã xảy ra trong quá khứ ; + Sau đó lại quay về hiện tại. - Trật tự các sự kiện trong truyện kể: Đan xen giữa quá khứ và hiện tại.

* Nhận xét:

- Dù trong câu chuyện hay trong truyện kể, các sự kiện đều góp phần làm nổi bật nội dung chính của tác phẩm.

- Tuy nhiên, cách tổ chức truyện kể đã phá vỡ trật tự câu chuyện -> diễn biến của truyện khi ở hiện tại, khi ở quá khứ -> Diễn tả chân thực hành trình đi tìm con Cải của ông Năm, từ đó, làm nổi bật lên nỗi mong mỏi đau đáu của một người cha già với khao khát cháy bỏng có thể tìm được đứa con gái yêu quý của mình.
=> Câu chuyện và cách tổ chức truyện kể góp phần thể hiện: Tình cha tha thiết, chân thành, giản dị, mộc mạc mà chan chứa nước mắt gây xúc động mạnh cho bạn đọc.

4. Người kể chuyện (ngôi kể, quan hệ và thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật)

- **Ngôi kể:** ngôi thứ ba – người kể chuyện toàn tri.

- **Quan hệ của người kể chuyện đối với các nhân vật:**

+ Người kể chuyện đã thay tác giả kể lại câu chuyện đi tìm con của ông Năm. Niềm khát khao tìm kiếm đứa con gái bị thất lạc được tác giả khắc họa cụ thể, chân thực, tinh tế qua từng suy nghĩ, cử chỉ, hành động, và lời nói của nhân vật.

+ Người viết đặt hoàn cảnh của mình vào từng nhân vật, bởi vậy những cuộc đối thoại trong truyện đều mang theo tính cách, hoàn cảnh của mỗi người, mỗi nhân vật nhờ vậy mà cũng trở nên chân thực hơn.

- **Thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật:** Thái độ thương cảm, xót xa.

5. Hệ thống điểm nhìn trong tác phẩm

- Hệ thống điểm nhìn: Người kể chuyện chủ yếu trần thuật theo điểm nhìn của mình, điểm nhìn bên trong (đứng trên lập trường của từng nhân vật để đối thoại và giải quyết tình huống) chiếm ưu thế.

- Điểm nhìn người kể chuyện giúp nhà văn miêu tả chính xác, khách quan diễn biến hành động của nhân vật, kết hợp với điểm nhìn bên trong để miêu tả nội tâm, cảm xúc của nhân vật:

+ Ông Năm khắc khoải chờ mong tin con, buồn bã khi nhớ về con, vui mừng khôn xiết khi tưởng thấy con, hụt hẫng khi nhận nhầm người.

+ Thán lo lắng cho câu chuyện giữa mình với Diễm Thương.

+ Diễm Thương lạnh nhạt, không cảm xúc.

6. Lời của người kể chuyện và lời nhân vật trong truyện

- Lời người kể chuyện trong việc miêu tả những cử chỉ ngoại hiện của ông Năm, Thán và Diễm Thương.

- Lời của nhân vật là những đoạn đối thoại, hoặc câu văn bộc lộ suy nghĩ của các nhân vật.

- Lời người kể chuyện và lời nhân vật cộng hưởng, đan xen nhau xuyên suốt toàn câu chuyện,...

=> Sự kết hợp độc đáo giữa lời kể của tác giả với lời của nhân vật đã tạo nên sức hấp dẫn cho truyện kể. Nhờ đó, nhà văn có thể đi sâu vào tâm lý nhân vật và kể một cách chân thực, hấp dẫn về hành trình đi tìm con Cãi của ông Năm Nhỏ.

2.3: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông điệp sâu sắc nào?</p> <p>- Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nội dung: Tình phụ tử thiêng liêng và tình người sâu nặng.</p> <p>2. Nghệ thuật:</p> <p>- Cách kể chuyện hấp dẫn.</p> <p>- Kết hợp được ngôn ngữ kể và ngôn ngữ nhân vật.</p>

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút.

- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV chuẩn kiến thức.

- Điểm nhìn từ bên trong giúp tác giả khai thác sâu thế giới nội tâm nhân vật.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Đọc văn bản, trả lời các câu hỏi bên dưới:

ANH HAI

- Ăn thêm cái nữa đi con!

- Ngán quá, con không ăn đâu!

- Ráng ăn thêm một cái, má thương. Ngoan đi cưng!

- Con nói là không ăn mà. Vứt đi! Vứt nó đi!

Thằng bé lác đầu nguây nguậy, gạt mạnh tay. Chiếc bánh kem văng qua cửa xe rơi xuống đường sát mép công. Chiếc xe hơi láng bóng rờ máy chạy đi.

Hai đứa trẻ đang bới móc đồng rác gần đó, thấy chiếc bánh nằm chỏng chơ xô đến nhặt. Mắt hai đứa sáng rực lên, dán chặt vào chiếc bánh thơm ngon. Thấy bánh lấm láp, đứa con gái nuốt nước miếng bảo thằng con trai:

-Anh Hai thôi sạch rồi mình ăn. Thằng anh phùng má thôi. Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho. Đứa em sớt ruột cũng ghé miệng thôi tiếp. Chính cái miệng háu đói của nó làm bánh rơi tồm xuống công hôi hám, chìm hẳn.

- Ai biểu anh Hai thôi chi cho mạnh – Con bé nói rồi thút thít.

- Ừa. Tại anh! Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!

(Theo Lý Thanh Thảo)

Câu 1. Câu chuyện trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 2. Nội dung chính của văn bản trên là gì?

Câu 3. Xác định ít nhất 1 từ tượng hình, 1 từ tượng thanh có trong văn bản.

Câu 4. Sự việc nào làm nổi bật ý nghĩa nhan đề? Đó là ý nghĩa gì?

Câu 5. Câu *Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi* thể hiện ý nghĩa gì?

Trả lời:

Câu 1: Tự sự.

Câu 2: Câu chuyện kể về cách cư xử của thằng bé con nhà giàu và hai đứa trẻ, tác giả ca ngợi tình anh em ruột thịt yêu thương, đùm bọc dù cuộc sống nghèo khổ.

Câu 3:

- Từ tượng hình: *Nguây nguây, chổng chơ, lấm láp, hôi hám, xô, chổng chơ*

- Từ tượng thanh: *Thút thút*

Câu 4:

- Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!

- Ý nghĩa: Ca ngợi tình cảm anh em ruột thịt yêu thương, đùm bọc, nhường nhịn, sẻ chia, gắn bó khăng khít.

Câu 5:

- Nghĩa tả thực: Bụi bẩn đã dính vào bánh thì khó mà phui, thổi đi hết.

- Nghĩa biểu tượng: Nó biểu tượng cho những khó khăn, cơ cực, vất vả, thiếu thốn, thiệt thòi cũng như cái nghèo khổ cứ đeo bám mãi lấy hai anh em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân, trả lời câu hỏi ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS trình bày kết quả bài làm vào tiết dạy chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Giáo viên hướng dẫn để HS thực hiện bài tập ở nhà.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn .

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập về nhà: Viết đoạn văn ngắn về chủ đề: Nhà là nơi để về.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS hoàn thành nhiệm vụ và trình bày trong buổi học sau.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS có sản phẩm tốt.

Đoạn tham khảo:

Thi hào Goethe đã từng nói: “Người hạnh phúc nhất, dù vua chúa hay nông dân, là người tìm thấy sự bình yên dưới mái nhà của mình”. Bởi mỗi ngôi nhà là một mái ấm để đi bất cứ đâu ta cũng có thể trở về. Đó nơi lưu giữ những khoảnh khắc và kỉ niệm của gia đình, là nơi ta dừng chân và lui về trong sự bình yên, trong hơi ấm của tình thân. Nhà là nơi mà ta thỏa thuê sống giữa mọi vui, buồn, hạnh phúc; là nơi mà các con lớn lên và trưởng thành; là nơi tất cả các thành viên quây quần bên nhau

mỗi tối. Cuộc sống đôi khi trôi qua thật nhanh và nhiều lúc khiến chúng ta không kịp nhìn lại những tháng ngày đã trải qua vô vị đến nhường nào. Ngày ngày tất bật với công việc đôi khi ta bị lạc trong vòng xoáy bất tận. Nhưng rồi ta lại được xoa dịu khi trở về nhà bên cạnh những người thân yêu. Nhà là nơi bình yên nhất ai ai cũng mong muốn trở về để tìm kiếm sự dịu êm, để được “nén mình” vào sau những bộn bề của cuộc sống và tiếp đủ năng lượng cho những công việc tiếp theo.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt (Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 7

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- Những kỹ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói.

- Những kỹ năng thuộc về hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết.

- Phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; tránh nói như viết hoặc viết như nói.

2. Phẩm chất

Tự giác thực hành luyện tập thêm và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm khi giao tiếp. Có thái độ nghiêm túc và có trách nhiệm với lời nói của bản thân khi tham gia hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.

- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu clip, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh vào phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS

Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS xem Clip

<https://www.youtube.com/watch?v=bXXzFzBhWVE>**PHIẾU TRẢ LỜI NHANH**

Nội dung Clip	
Yếu tố tạo nên tiếng cười	
Từ ngữ đáng chú ý	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS tham gia trả lời câu hỏi nhanh.

HS quan sát, lắng nghe, bổ sung, góp ý, phản biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:

Không phải ngẫu nhiên mà người ta chia ra phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Làm thế nào để nhận biết và không nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, chúng ta hãy cùng tìm hiểu bài học: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

- **Nội dung Clip:** Cách giáo dục trẻ em của một gia đình trong một bữa ăn

- **Yếu tố tạo nên tiếng cười:**

- + Diễn xuất hài hước.
- + Tình huống hài hước.
- + Lời nói hài hước.

- **Từ ngữ đáng chú ý:** HS ghi lại một số từ ngữ theo suy nghĩ cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Những kỹ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói.
- Những kỹ năng thuộc về hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết.
- Phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; tránh nói như viết hoặc viết như nói.

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi để nhận diện ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết và vận dụng làm bài tập SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS chia nhóm, thảo luận và thực hiện bài học dưới dạng trò chơi: Đấu trường Nói - Viết	I. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết 1. Nhận diện ngữ liệu		
	<table border="1"> <tr> <td>Ngôn ngữ nói</td> <td>Ngôn ngữ viết</td> </tr> </table>	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết		

Nhóm 1: Sức mạnh của ngôn ngữ nói.

+ Nhận diện: Xếp những đoạn văn sau vào cột ngôn ngữ nói hoặc cột ngôn ngữ viết.

Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
?	?

a) Nhờ có ngôn ngữ mà con người mới có thể tiến hành suy nghĩ, tư duy... Nhà ngôn ngữ học Xô Viết Bô-rôp-xki đã chứng minh sự tồn tại của lời nói bên trong cả khi người ta im lặng và suy nghĩ.

b) Có gì thì mày nói tao nghe xem nào! Cứ im im im im rồi khóc mếu, sốt ruột!

c) Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi ngày

(Đỗ Trung Quân)

d) Lan ơi, về quê không? Tao chờ về!

e) Bộ GD-ĐT vừa có công văn hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, trong đó nêu chi tiết lịch thi, thời gian công bố điểm thi. Theo đó, kỳ thi tốt nghiệp THPT năm nay sẽ sớm hơn năm trước.

f) Ê mày, năm nay thi sớm vậy tao lo lắm!

+ Nêu đặc điểm của ngôn ngữ nói.

+ Làm bài tập 1 – SGK.

+ Tạo một sản phẩm thuộc ngôn ngữ nói với nội dung: Về đẹp của ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du)

Nhóm 2: Về đẹp của ngôn ngữ viết

+ Nhận diện (Như nhóm 1)

+ Nêu đặc điểm của ngôn ngữ viết

+ Làm bài tập 2 – SGK

+ Tạo một sản phẩm thuộc ngôn ngữ viết với nội dung: Về đẹp của ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du)

- Các nhóm thảo luận trao đổi theo định hướng, sau đó mỗi nhóm chọn ra 3-5 thành viên tham gia trò chơi do MC dẫn dắt (do GV chọn và tư vấn hỗ trợ)

b, d, f

a, c, e

2. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (BẢNG PHỤ LỤC: ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT bên dưới)

II. Thực hành phân tích đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

Bài tập 1/36,37,38 SGK. Nhận xét các đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong hai đoạn trích:

a. Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong đoạn trích: “Hắn giương mắt nhìn thị...lên xe rồi cùng về”. (Kim Lân, *Vợ nhặt*)

- Tác giả thay vai liên tục từ người kể chuyện đến lời của nhân vật Tràng, thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật Tràng khi thị bất ngờ xuất hiện.

- Trong lời thoại của nhân vật, tác giả sử dụng những từ cảm thán như: “À”, “Đấy”, “nhá”, “Hà” và những từ địa phương như “hăng”.

b. Đặc điểm của ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo trong đoạn trích: “Thoáng nhìn qua...có họ kia đấy” (Nam Cao, *Chí Phèo*)

- Tác giả sử dụng linh hoạt từ ngữ của văn nói như: “biết gì”, “oi”, “rồi”, “ai”, “chứ”, “đấy”,...

→ Qua cách sử dụng linh hoạt ngôn ngữ nói, tác giả muốn thể hiện sự gian xảo trong lời nói cũng như con người của bá Kiến, chỉ bằng một vài câu nói ngắn ông đã có thể xoa dịu được một Chí Phèo say rượu, hung hăng. Trọng lượng của lời nói không chỉ thể hiện ở những câu từ trau chuốt, đôi khi sự đơn giản, dễ hiểu lại có giá trị thuyết phục đối với người nghe cao hơn.

Bài tập 2/38 SGK. Phân tích các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết trong đoạn trích: “Cái đói đã tràn...từng hồi thê thiết” (Kim Lân, *Vợ nhặt*)

- Từ ngữ: dùng các từ ngữ bình dị, gần gũi.

- Biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh.

- Trong đoạn văn trên, tác giả đã rất dụng công trong việc trau chuốt từ ngữ, cấu trúc để gọi lên

- Ban giám khảo do GV chọn cử gồm 3 HS (GV tư vấn hỗ trợ đáp án)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận trao đổi theo định hướng khoảng 10 phút, sau đó chọn người tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn HS hình thành 2 đội chơi (mỗi đội từ 3 – 5 thành viên) do MC dẫn dắt:

Vòng 1: Nhận diện

HS ghi bảng theo cột ngôn ngữ nói và viết (Tiêu chí: Nhanh, đúng)

Vòng 2: Lí thuyết

HS 2 đội nêu các đặc điểm của ngôn ngữ nói và viết (Tiêu chí: Nhanh, đúng)

Vòng 3: Phân tích ngữ liệu

HS 2 đội giải 2 bài tập SGK (Tiêu chí: Nhanh, đúng)

Vòng 4: Thực hành nói và viết

HS 2 đội thi nói và viết, mỗi đội có một bài nói, một bài viết

(Tiêu chí: Đánh giá theo **BẢNG KIỂM : ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NÓI VÀ VIẾT CỦA CÁC ĐỘI CHƠI** bên dưới)

Bước 4: Đánh giá kết luận

- GV đánh giá nhóm và đại diện nhóm (theo tiêu chí), chuẩn kiến thức

khung cảnh tang tóc, thê lương của xóm ngụ cư khi cái đói tràn về.

- Câu văn ngắn cùng cách diễn đạt đơn giản “Người chết như ngã rạ.”, “Cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào”... kết hợp với nhiều từ láy mang ý nghĩa biểu tượng “xác xơ”, “ngăn ngắt”, “úp súp”, “heo hút”... nhằm gợi lên một khung cảnh rùng rợn, tiêu điều, đáng thương mà ở đó con người dường như trở thành những bóng ma vờ vờ, đợi chờ cái chết. Cái đói năm Ất Dậu đã tràn đến xóm ngụ cư, bao trùm lên cảnh vật và con người, gợi mở ra một tương lai đen tối, cái chết cận kề đang chờ đón họ.

III. Thực hành nói và viết

Nội dung nói và viết: Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều (Nguyễn Du) (Tham khảo **PHỤ LỤC ĐOẠN THAM KHẢO** bên dưới)

BẢNG PHỤ LỤC: ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

Phương diện xem xét	Ngôn ngữ nói	Ngôn ngữ viết
Tình huống giao tiếp	- Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên. - Người nói ít có thời gian và điều kiện lựa chọn và gọt giũa lời nói.	- Người viết và người đọc thường không có sự tiếp xúc trực tiếp - Người viết có thời gian để suy ngẫm, lựa chọn cách biểu đạt, vì vậy, ngôn ngữ viết nói chung được gọt giũa.

	- Ngôn ngữ nói chỉ tồn tại nhất thời và được truyền đi trong phạm vi không gian hạn chế.	- Ngôn ngữ viết có khả năng lưu trữ thông tin lâu dài và hướng tới một phạm vi người đọc rộng lớn.
Phương tiện ngôn ngữ	- Âm thanh	- Chữ viết
Phương tiện hỗ trợ	- Ngữ điệu - Nét mặt, ánh mắt - Cử chỉ, điệu bộ	- Dấu câu - Hình ảnh minh họa - Sơ đồ, bảng biểu
Hệ thống yếu tố ngôn ngữ	- Từ ngữ: + Các khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ. + Các trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen, ... - Câu: Có kết cấu linh hoạt như câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp hay dư thừa, ... - Văn bản: Không có sự chặt chẽ, mạch lạc.	- Từ ngữ: + Có cơ hội chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt. + Sử dụng ngôn ngữ phổ thông. - Câu: Chặt chẽ, mạch lạc, câu dài, nhiều thành phần phức tạp. - Văn bản: Kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao.

PHỤ LỤC ĐOẠN THAM KHẢO

Đoạn viết:

Dưới ngọn bút thiên tài của Nguyễn Du, tiếng Việt trở nên trong sáng, giàu biểu cảm, nhuần nhuyễn giữa bác học và bình dân, cổ kính và hiện đại. Nó làm cho một câu Kiều ta đọc có thể hiểu ngay nhưng ngẫm ngợi cả đời chưa hết sự sâu xa.

Đoạn nói:

Ngôn ngữ ở đoạn “Trăm năm trong cõi người ta/ Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” này hay quá mà yoi, càng đọc tao càng thấy nó đúng quá trời quá đất luôn!

BẢNG KIỂM : ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM NÓI VÀ VIẾT CỦA CÁC ĐỘI CHƠI

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Đạt	Không đạt
1	Dung lượng hợp lí		
2	Sản phẩm mang đặc điểm ngôn ngữ Nói (Viết)		
3	Sản phẩm sinh động, thuyết phục		
4	Trình bày sản phẩm đúng đặc trưng ngôn ngữ		
5	Trình bày sản phẩm hấp dẫn, thu hút		

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề trong thực tế: Vận dụng các kiến thức về đặc điểm ngôn ngữ Nói – Viết để thực hành kỹ năng Nói – Viết trong thực tế đời sống.

b. Nội dung hoạt động:

HS thực hành Nói – Viết

c. Sản phẩm: Kịch bản và diễn xuất của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV giúp HS lên ý tưởng, phân công nhóm để thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đoạn kịch: Ước mơ làm nhà văn - Tình huống: A muốn làm nhà văn, mẹ tình cờ biết được ước mơ đó - Nhân vật: <ul style="list-style-type: none"> + A: Đam mê văn thơ, có những sáng tác văn thơ nhưng còn e ngại chưa dám thể hiện mình, chỉ dám tâm sự với mẹ + Mẹ A: Ủng hộ mơ ước của con, lắng nghe những sản phẩm thơ văn của con, góp ý, sửa sai, giúp con hoàn thiện <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS viết kịch bản - Phân vai - Biểu diễn <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thể hiện vở kịch của nhóm mình <p>HS khác chú ý quan sát, đánh giá bằng Bảng kiểm (bên dưới)</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Kịch bản HS viết - HS diễn xuất chuyển thể từ ngôn ngữ viết sang ngôn ngữ nói và các yếu tố đi kèm

BẢNG KIỂM: ĐÁNH GIÁ DIỄN XUẤT CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Kết quả	
		Có	Không
1	Lời thoại còn nhầm lẫn giữa ngôn ngữ Nói và Viết		
2	Lời thoại chỉ có ngôn ngữ Nói hoặc Viết		
3	Lời thoại có đủ ngôn ngữ Nói và Viết		
4	Lời thoại không phù hợp với tình huống đặt ra		
5	Lời thoại phù hợp với tình huống đặt ra		
6	Diễn xuất khô cứng, không thể hiện được đặc điểm nhân vật		
7	Diễn xuất tương đối tốt, phần nào thể hiện được đặc điểm nhân vật		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

VIẾT

Tiết: 8,9,10

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. **Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. **Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Quy trình viết

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).
- Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).
- Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.
- Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

Thực hành viết

- HS biết cách viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

2. Phẩm chất

- Biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp, giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá.
- Chăm đọc sách, siêng năng, thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. **Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫn HS đọc một số truyện ngắn, GV đặt câu hỏi, HS trả lời

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS xem Truyện ngắn 1, 2. (Phụ lục 1 bên dưới)</p> <p>- HS thảo luận cặp đôi hoàn thiện phiếu trả lời.</p>			<p>- Điểm chung: Cả 2 truyện ngắn đều viết về đôi bàn tay con người.</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Truyện 1: Cuộc chuyện trò của 2 ông cháu về ý nghĩa đôi bàn tay</p> <p>+ Truyện 2: Nỗ lực xin việc của một chàng trai được trả giá xứng đáng khi hiểu ra ý nghĩa đôi bàn tay của mẹ</p> <p>- Mạch truyện:</p> <p>+ Truyện 1:</p> <p>++ Những đối thoại của 2 ông cháu về tác dụng của đôi tay.</p> <p>++ Gợi mở về đôi bàn tay của những người lao động.</p> <p>+ Truyện 2:</p> <p>++ Một sinh viên trẻ xuất sắc đi xin việc nhưng công ty chưa nhận ngay vì anh chưa hiểu hết được ý nghĩa đôi tay mẹ.</p> <p>++ Hôm sau, anh được nhận vào làm sau khi trực tiếp rửa tay cho mẹ, làm công việc của mẹ và hiểu được ý nghĩa của nó.</p> <p>- Vẽ đẹp: Mỗi truyện hay theo cách riêng. (HS thể hiện quan điểm cá nhân)</p>
<i>Tiêu chí đối sánh</i>	<i>Truyện ngắn 1</i>	<i>Truyện ngắn 2</i>	
Điểm chung			
Nội dung			
Mạch truyện			
Vẽ đẹp			
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh thảo luận cặp đôi, sau đó trao đổi thành viên các cặp để hoàn thiện, bổ sung kết quả.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>Đại diện các cặp chia sẻ ý kiến.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết luận</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:</p> <p>Nhà văn Tô Hoài - Người viết truyện ngắn phải rèn luyện đến từng dấu phẩy... Chỉ với truyện ngắn, người ta mới biết tận dụng từng chữ, lo săn sóc từng chữ... Một truyện ngắn hay, không chỉ có ý nghĩa ở chủ đề tư tưởng và nhân vật mà từng câu, từng chữ của truyện ấy sẽ tạo nên nội dung cái hay cho chủ đề tư tưởng và nhân vật. Mỗi chữ có sức mạnh riêng đồng thời sức mạnh hòa chung cả hai phía ấy dựng nên hồn chữ, hồn câu toàn bài...</p>			

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)
- HS hiểu được ứng dụng của bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)



b. Nội dung hoạt động

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

c. Sản phẩm

Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/39 và thảo luận về các vấn đề: Câu 1: Một bài viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả) cần đáp ứng những yêu cầu gì? Câu 2: Những yêu cầu này khác gì so với những yêu cầu trong một bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề và nhân vật)?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và sử dụng sơ đồ để so sánh yêu cầu cần đạt của 2 kiểu bài theo nhóm bàn.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p>Yêu cầu khi viết bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề và nhân vật):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được những thông tin khái quát về tác giả, tác phẩm. - Nêu nhận xét khái quát về giá trị của tác phẩm. - Nêu được nét riêng về chủ đề của tác phẩm. - Phân tích mối quan hệ gắn kết giữa chủ đề và các nhân vật trong tác phẩm. - Đánh giá khái quát về thành công hay hạn chế của tác phẩm nhìn từ mối quan hệ giữa chủ đề và nhân vật. - Phát biểu được tác động của chủ đề tác phẩm, nhân vật trong tác phẩm đối với bản thân. <p style="text-align: center;"></p> <p>Thiên về khía cạnh nội dung</p>	<p>Yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích) - Nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...) - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lý lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ. - Khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích. <p style="text-align: center;"></p> <p>Thiên về khía cạnh nghệ thuật</p>

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được bố cục, nội dung đặc trưng của văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

- HS viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 39-43 SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được các bước để viết một văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>Bước 1: Chuyên giao nhiệm vụ</p> <p>HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn <i>Đời thừa</i> có những phương diện đáng chú ý nào? - Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong <i>Đời thừa</i>, tác giả đã đi theo trình tự nào? - Sơ đồ hóa mạch triển khai các ý - Bạn có thể học hỏi được điều gì từ cách phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự trong <i>Đời thừa</i>? Điều gì ở bài viết chưa làm bạn thỏa mãn? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc bài tham khảo. - HS trả lời câu hỏi. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p>	<p>Bài viết tham khảo: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn <i>Đời thừa</i>.</p> <p>1. Những phương diện đáng chú ý về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn <i>Đời thừa</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức mạch truyện. - Người kể chuyện. - Lối trần thuật hướng nội. - Thái độ của người kể với nhân vật. - Lối trần thuật. <p>2. Trình tự phân tích từng phương diện nghệ thuật tự sự trong <i>Đời thừa</i>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả yếu tố đó (người kể chuyện trong truyện ở ngôi thứ mấy, trần thuật theo điểm nhìn nào). - Chỉ ra chức năng, vai trò của yếu tố đó (Người kể chuyện giúp người đọc hình dung được thế giới nội tâm của nhân vật Hộ đang trải qua những xung đột gì; thái độ của người kể chuyện với nhân vật có điều gì đáng chú ý). - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật của yếu tố đó (qua người kể chuyện, Nam Cao thể hiện cái nhìn sâu sắc như thế nào về đời sống, về con người). <p>3. Sơ đồ mạch triển khai các ý:</p> <p><i>Giới thiệu tác phẩm và phương diện nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích.</i></p> <p><i>Mô tả và đánh giá cách Nam Cao kiến tạo truyện kể.</i></p> <p><i>Chỉ ra đặc điểm của người kể chuyện trong truyện ngắn (ngôi kể và điểm nhìn).</i></p>

<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.</p>	<p><i>Phân tích vai trò của ngôi kể, điểm nhìn và lời trần thuật trong việc khắc họa nhân vật.</i></p> <p><i>Chỉ ra mối liên hệ giữa người kể chuyện trong tác phẩm với nhà văn.</i></p> <p>↓</p> <p><i>Đánh giá giá trị của tác phẩm</i></p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm															
<p>* Chuẩn bị viết</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Đề bài tham khảo:</p> <p>Đề bài 1: Chất thơ trong truyện ngắn <i>Dưới bóng hoàng lan</i> (Thạch Lam)</p> <p>Đề bài 2: Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện trong <i>Chữ người tử tù</i> (Nguyễn Tuân)</p> <p>Đề bài 3: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Sê-khốp trong truyện ngắn <i>Một chuyện đùa nho nhỏ</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS hoạt động cá nhân, điền câu trả lời vào phiếu 1(cột bên).</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>GV nhận xét phần trình bày của HS.</p> <p>* Tìm ý, lập dàn ý</p>	<p>1. Chuẩn bị viết:</p> <p style="text-align: center;">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr style="background-color: #fce4d6;"> <th style="width: 70%;">Hướng dẫn</th> <th style="width: 10%;">Thực hành</th> <th style="width: 20%;">Kết quả</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Bạn ấn tượng về cách kể chuyện trong tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) nào?</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td rowspan="3">2. Xem xét một số yếu tố nghệ thuật của truyện (Một truyện có thể có một trong các yếu tố hoặc có tất cả các yếu tố)</td> <td>a. Tác phẩm truyện đó mang đặc sắc gì trong nghệ thuật xây dựng tình huống và xây dựng nhân vật?</td> <td></td> </tr> <tr> <td>b. Nêu đặc điểm, vai trò và chức năng của người kể chuyện trong tác phẩm truyện đó.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>c. Xem xét cách xây dựng truyện kể của tác phẩm truyện (cách tổ chức hệ thống sự kiện, điểm nhìn, lời văn,...) đó</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>			Hướng dẫn	Thực hành	Kết quả	1. Bạn ấn tượng về cách kể chuyện trong tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) nào?			2. Xem xét một số yếu tố nghệ thuật của truyện (Một truyện có thể có một trong các yếu tố hoặc có tất cả các yếu tố)	a. Tác phẩm truyện đó mang đặc sắc gì trong nghệ thuật xây dựng tình huống và xây dựng nhân vật?		b. Nêu đặc điểm, vai trò và chức năng của người kể chuyện trong tác phẩm truyện đó.		c. Xem xét cách xây dựng truyện kể của tác phẩm truyện (cách tổ chức hệ thống sự kiện, điểm nhìn, lời văn,...) đó	
Hướng dẫn	Thực hành	Kết quả														
1. Bạn ấn tượng về cách kể chuyện trong tác phẩm truyện (truyện ngắn, tiểu thuyết) nào?																
2. Xem xét một số yếu tố nghệ thuật của truyện (Một truyện có thể có một trong các yếu tố hoặc có tất cả các yếu tố)	a. Tác phẩm truyện đó mang đặc sắc gì trong nghệ thuật xây dựng tình huống và xây dựng nhân vật?															
	b. Nêu đặc điểm, vai trò và chức năng của người kể chuyện trong tác phẩm truyện đó.															
	c. Xem xét cách xây dựng truyện kể của tác phẩm truyện (cách tổ chức hệ thống sự kiện, điểm nhìn, lời văn,...) đó															

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm: Từ những chỉ dẫn, gợi mở từ phần Chuẩn bị viết, hãy tìm ý và lập dàn ý bằng cách hoàn thành phiếu học tập số 2,3 (cột bên).

- Nhóm 1,2 hoàn thành phiếu HT số 2

- Nhóm 3,4 hoàn thành phiếu HT số 3

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và các yêu cầu của phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS.

Viết*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS viết bài hoàn chỉnh theo sự lựa chọn.

GV lưu ý:

- Triển khai từng ý trong dàn ý thành một đoạn văn; ở từng đoạn cần có câu chủ đề đặt ở vị trí thích hợp.

- Cần dẫn lời văn hay chi tiết trong tác phẩm truyện có thể minh họa tốt cho ý đã được nêu.

- Lời văn cần tránh sự bình tán dể dãi, lan man. Cách phân tích và đánh giá tác phẩm nghệ thuật cần có sự kết hợp hài hòa giữa lí (mạch phân tích) và tình (thái độ của người viết đối với tác phẩm).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**2. Tìm ý, lập dàn ý:****PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

Hướng dẫn	Thực hành
1. Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, mối liên hệ giữa tác phẩm với nhà văn cùng bối cảnh thời đại và các khuynh hướng, trường phái văn học nghệ thuật liên quan.	
2. Xác định những phương diện cụ thể trong cách kể chuyện của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu vào phân tích.	
3. Phân tích hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc.	
4. Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương tiện nghệ thuật: + Tác phẩm có vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? + Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thâm mĩ mới mẻ thế nào?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Hướng dẫn	Thực hành
1. Xác định ý tưởng, chủ đề cho bài viết	
2. Xác định các luận điểm sẽ làm sáng tỏ chủ đề. Sắp xếp các luận điểm, bằng chứng theo một trật tự logic.	
3. Lập dàn ý của bài viết theo gợi ý dưới đây: - Mở bài: + Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. + Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ tập trung làm rõ.	

<p>Cá nhân HS viết bài</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Đánh giá, kết luận</p> <p>GV nhận xét, chấm điểm theo Rubric đánh giá bài viết (Phụ lục 3 bên dưới)</p>	<p>- Thân bài: Căn cứ vào việc xác định các yếu tố làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện mà bạn chọn phân tích, triển khai bài viết thành các luận điểm tương ứng. Khi phân tích các yếu tố này, có thể đi theo các trình tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> + B1: miêu tả yếu tố đó, + B2: chỉ ra chức năng, vai trò của nó; + B3: đánh giá hiệu quả của nó,... <p>- Kết bài: Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.</p>	
<p>3. Viết:</p> <p>DÀN Ý THAM KHẢO (Phụ lục 2 bên dưới)</p>		

Phụ lục 1:

Truyện 1: ĐÔI TAY ĐỂ LÀM GÌ

Bé Bi; rất thân với ông nội. Hàng ngày Bi thường trò chuyện cùng ông. Một lần, ông nội hỏi Bi:

- Con người cần có đôi tay để làm gì?

Bi đáp:

- Để chơi banh ông ạ!
- Thế còn để làm gì nữa?
- Để cầm muỗng ăn cơm nữa ông nội ơi!

Nhìn Bi âu yếm, ông lại hỏi:

- Còn để làm gì nữa nào?

Nghĩ một chút rồi Bi lại nói:

- Ông nội ơi, còn để vuốt ve con mèo phải không ạ?

Nghe Bi hỏi, ông nội gật gật đầu rồi lại hỏi:

- Ô, Bi nghĩ kĩ xem, đôi tay còn để làm gì nữa không?
- À à để ném hòn sỏi xuống sông nữa ông ơi!

Suốt buổi chiều, bé Bi trò chuyện với ông về đôi tay. Nó nói đúng cả đấy nhưng chỉ nói về mỗi đôi tay của nó thôi.

Thế còn đôi tay của ba, của mẹ, đôi tay của các cô chú công nhân, của cô giáo, của các bác sĩ, của các chú bộ đội và những người lao động khác thì để làm gì nhỉ? Đó bé biết đấy!

(Thái Hà phỏng theo truyện cùng tên của E.Permiak - Liên Xô)

Truyện 2: Đôi bàn tay của mẹ!

Có một chàng trai trẻ vừa tốt nghiệp Đại học loại xuất sắc nộp đơn dự tuyển vào một vị trí quản lý tại một công ty lớn.

Anh ta vượt qua các vòng đầu tiên. Đến vòng cuối cùng, đích thân ông Giám đốc phỏng vấn đề đưa ra quyết định cuối cùng. Ông Giám đốc phát hiện ra một điều từ CV của chàng trai trẻ rằng trong suốt các năm học, anh ta luôn đạt thành tích học tập một cách xuất sắc. Từ trường Trung học cho đến

khi vào Đại học và thi tốt nghiệp, không năm nào mà chàng trai này không đạt được danh hiệu xuất sắc.

Ông Giám đốc hỏi, “Anh có bao giờ nhận được học bổng từ trường không”. “Không bao giờ”, chàng trai trả lời. Ông Giám đốc bèn hỏi tiếp, “Vậy là cha anh đã trả toàn bộ học phí cho anh phải không?”. Chàng trai trẻ trả lời: “Cha tôi đã mất từ hồi tôi được một tuổi, toàn bộ số tiền học phí là do mẹ tôi gánh vác”.

“Vậy mẹ anh làm việc ở công ty nào?” Ông Giám đốc hỏi. Chàng trai trẻ bèn trả lời, “Mẹ tôi làm công việc giặt quần áo”.

Ông Giám đốc nghe vậy bèn đề nghị chàng trai trẻ đưa hai bàn tay ra cho ông xem. Hai bàn tay chàng trai khá đẹp và mềm mại. Ông Giám đốc hỏi: “Vậy trước đây có bao giờ anh giúp đỡ mẹ anh trong việc giặt quần áo chưa?”. “Chưa bao giờ”, chàng trai trẻ trả lời, “Mẹ tôi lúc nào cũng chỉ muốn tôi học và đọc thật nhiều sách. Hơn nữa, mẹ tôi có thể giặt quần áo nhanh hơn tôi.” Ông Giám đốc nghe thấy vậy bèn nói: “Tôi có một yêu cầu. Hôm nay lúc anh về nhà, hãy đi và rửa hai bàn tay của mẹ anh. Rồi hãy đến gặp tôi vào sáng ngày hôm sau”. Chàng trai trẻ cảm giác rằng cơ hội trúng tuyển của mình vào công ty này rất cao. Anh ta liền vui vẻ về nhà gặp mẹ và nói với bà hãy để anh ta rửa hai bàn tay của bà ngày hôm nay. Bà mẹ nghe vậy cảm thấy rất lạ, trong lòng bà dấy lên những cảm xúc vui buồn lẫn lộn, bà bèn đưa hai bàn tay mình ra cho chàng trai.

Chàng trai trẻ chậm chậm rửa sạch bàn tay của mẹ mình. Từng giọt nước mắt của chàng trai rơi xuống khi anh ta thực hiện công việc của mình. Lần đầu tiên chàng trai nhận ra rằng đôi bàn tay của mẹ mình thật là nhăn nheo, hơn nữa hai bàn tay còn chằng chịt những vết sẹo và chai sạn. Những vết sẹo này hẳn là rất đau đớn vì chàng trai cảm nhận được bà mẹ khế rùng mình mỗi khi chàng trai rửa chúng trong nước. Đây cũng là lần đầu tiên chàng trai trẻ nhận ra rằng chính đôi bàn tay này hàng ngày làm công việc giặt quần áo để có thể trang trải đủ tiền học phí của anh ta ở trường học. Những vết sẹo trên đôi bàn tay của bà mẹ cũng là cái giá cho kết quả đậu tốt nghiệp, cho những bằng chứng xuất sắc và cho cả tương lai của anh ta. Sau khi rửa sạch đôi bàn tay của bà mẹ, chàng trai trẻ lặng lẽ giặt nốt luôn chỗ quần áo còn lại trong ngày. Tối hôm đó, bà mẹ và chàng trai đã nói chuyện với nhau rất lâu.

Sáng ngày hôm sau, chàng trai trẻ quay lại công ty phỏng vấn. Ông Giám đốc nhận thấy nước mắt còn đọng trên khóe mắt của chàng trai trẻ bèn hỏi: “Anh có thể cho tôi biết anh đã làm gì và học được những gì ở nhà của anh ngày hôm qua không?”

Chàng trai trả lời: “Tôi đã rửa đôi bàn tay của mẹ tôi, và tôi cũng đã giặt nốt chỗ quần áo còn lại.”

Vậy anh hãy cho tôi biết cảm giác của anh như thế nào? Ông Giám đốc hỏi.

Chàng trai trẻ bèn trả lời trong nước mắt:

"Thứ nhất: Tôi hiểu được nhờ có mẹ mà tôi có được ngày hôm nay.

Thứ hai: Tôi hiểu được kiếm tiền vất vả đến như thế nào.

Thứ ba: Tôi đã nhận thức được sự quan trọng và giá trị của tình cảm gia đình."

Ông Giám đốc nói: “Đó chính xác là những gì tôi cần tìm ở một nhà quản lý. Tôi muốn tìm những ứng viên có thể nhận thức được sự giúp đỡ của những người khác, người có thể hiểu được sự khó

nhọc của người khác khi hoàn thành một công việc nào đó, và là người không đặt tiền bạc là mục đích sống duy nhất của mình. Xin chúc mừng. Anh đã được tuyển.”

Bàn tay của mẹ...cho con tất cả!

(Truyện ngắn ST)

Phụ lục 2:

DÀN Ý THAM KHẢO

Chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)

1. Tìm hiểu đề:

Đề bài thuộc kiểu đề tự do - chỉ nêu chủ đề mà không bắt buộc về cách thức, phương pháp triển khai chủ đề đó. Chủ đề được nêu trong đề bài này là chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam). Về thực chất, có thể hiểu, đề bài yêu cầu phân tích để tìm ra những biểu hiện của chất thơ cũng như vai trò của nó trong việc tạo nên dấu ấn phong cách Thạch Lam và thành công của truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*. Để thực hiện yêu cầu này của đề bài, học sinh cần nắm vững, hiểu rõ khái niệm "chất thơ", chất thơ trong truyện ngắn để trên cơ sở đó xác định đúng và phân tích thấu đáo biểu hiện cũng như giá trị của chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*.

2. Dàn ý:

a. Mở bài:

- Đọc truyện ngắn Thạch Lam, dễ thấy cốt truyện của ông không có gì đặc biệt, thậm chí đôi khi đơn giản đến như không có. Nhân vật của ông cũng không thuộc vào những lớp người có sức ảnh hưởng lớn trong xã hội. Vậy mà tác phẩm vẫn có được một sức truyền cảm lớn để có thể neo đậu lâu bền trong lòng người đọc, tạo nên một sức cuốn hút nhẹ nhàng mà da diết cho người đọc mỗi lần đọc lại, sống lại cùng với nó. Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sức truyền cảm, sự hấp dẫn, cuốn hút ấy chính là chất thơ lãng động lan toả từ những trang văn.

- Truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan* ("Nắng trong vườn" - 1938) là một truyện ngắn giàu chất thơ.

b. Thân bài:

b.1. Chất thơ và chất thơ trong truyện ngắn:

- "Chất thơ": Tính chất trữ tình - tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mỹ và tình cảm nhân văn.

- Chất thơ trong truyện ngắn: Được tạo nên khi nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế cái mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn.

- Một truyện ngắn (hoặc tác phẩm văn xuôi) được coi là giàu chất thơ khi mỗi bận tâm của người viết không đặt vào việc kể lại một biến cố, sự việc, hành động mà là việc làm bật lên một trạng thái của đời sống hoặc của tâm hồn con người.

b.2. Chất thơ trong truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*:

- Nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn.
- Nhà văn xây dựng những nhân vật của mình đều nhuốm màu tâm trạng, đều mang vẻ đẹp mong manh dễ vỡ, tâm hồn đầy tinh tế dễ dàng rung động trước những biến đổi của cuộc sống.
- Tác phẩm của ông đều sáng ngời vẻ đẹp của tình người.
- Không có cốt truyện, mạch truyện không vận động theo mạch của những tình tiết, sự kiện mà vận động theo mạch cảm xúc, tâm trạng nhân vật.
- Bức tranh đời sống được tái hiện với sự đan xen, song hành và xâm nhập của cảm giác thực tại và hồi ức quá khứ mà dường như, cái nổi trội lên, chi phối sự vận động của mạch truyện lại là hành trình của những kí ức.

c. Kết bài:

- Truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*, từ hình thức nghệ thuật tới nội dung được biểu hiện đều chan chứa chất thơ - cái chất thơ được chung cất từ đời sống bình dị, thường nhật bằng chính rung động của tâm hồn nhà văn, chất thơ toả ra từ tình yêu cái đẹp, từ cái nhìn tinh tế trước thiên nhiên, đời sống và niềm tin ở thiện căn của con người...
- Có thể nói, truyện *Dưới bóng hoàng lan* tựa như một bài thơ trữ tình, dù không thật giàu có sâu sắc về ý nghĩa xã hội thì vẫn "đem đến cho người đọc một cái gì nhẹ nhõm, thơm lành và mát dịu" (Nguyễn Tuân). Đó vừa là giá trị riêng của tác phẩm, vừa là cốt cách văn chương của Thạch Lam để tạo ra một sức hấp dẫn bền lâu trong lòng độc giả.

Phụ lục 3:

Rubric đánh giá bài viết

TIÊU CHÍ	CẢN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra.

			Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

b. Nội dung: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (những đặc điểm trong cách kể của tác giả).

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Viết văn bản nghị luận phân tích nghệ thuật xây dựng tình huống và nhân vật trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân) hoặc *Vợ nhặt* (Kim Lân),...
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. HS khác nhận xét, góp ý bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo bảng kiểm quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập).

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết: 11

THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết lựa chọn một tác phẩm truyện mang nét nổi bật về nghệ thuật kể chuyện, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức thuyết trình.

- HS biết cách phân tích các yếu tố đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề văn học mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề trong bài thuyết trình.

b. Nội dung:

GV hướng dẫn HS nghe đọc một đoạn trích truyện ngắn, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV hướng dẫn HS nghe đọc đoạn truyện mở đầu tác phẩm <i>Cánh đồng bất tận</i> của Nguyễn Ngọc Tư và tìm hiểu nhanh về sức hấp dẫn được gợi ra từ trích đoạn truyện:</p> <p><i>Rồi ngọn lửa hơi hót thổi dưới nồi cơm đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Mối chị sưng vều ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cấu nhéo tím ngắt.</i></p> <p><i>Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lét hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giăng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rức chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chặt mái tóc dày kia, dục dặc, hi hục như phạt một năm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc đứt lìa, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lăn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.</i></p> <p><i>Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mới bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thực mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rủa chói lói chìm đi, tiếng bày vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khắc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vấy lên phơ phất phơ phất ... Cha tôi không đóng vai trò gì trong</i></p>	<p>Sức hấp dẫn từ trích đoạn truyện ngắn <i>Cánh đồng bất tận</i> của Nguyễn Ngọc Tư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện: Một cô gái bị một toán người hành hạ, đánh đập, cô bỏ chạy, bị rượt đuổi và trốn lên được một chiếc thuyền chài. - Mở đầu truyện: đây bất ngờ, gây nên sự tò mò, khiến người đọc phải băn khoăn: <ul style="list-style-type: none"> + Tại sao cô gái ấy lại lâm vào tình thế khổ sở? + Trốn trên chiếc ghe lạ, rồi số phận cô ra sao? - Vai trò nhân vật “Tôi”: <ul style="list-style-type: none"> + Truyện kể ở ngôi thứ nhất, nhưng người kể chuyện là một nhân vật trong truyện có mối quan hệ với nhân vật <i>chị</i> + Sự chứng kiến của nhân vật <i>tôi</i> sẽ hé lộ cho chúng ta những góc khuất trong cuộc đời nhân vật <i>chị</i> - Một số yếu tố truyện tạo tính hấp dẫn cho bạn đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Mạch truyện không trùng khớp với câu chuyện tạo sự tò mò. + Các yếu tố miêu tả, biểu cảm đan lồng trong truyện giúp người đọc hình dung rõ nét nỗi đau đớn của con người, đồng thời dấy lên nỗi xót xa thương cảm đối với nhân vật. + Lời kể chân thật, gần gũi,...

cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười méo máo, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi.

GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:

- Câu chuyện kể về điều gì?
- Nhận xét về mở đầu truyện?
- Nhân vật “Tôi” có ý nghĩa gì trong sự phát triển mạch truyện?
- Em ấn tượng với yếu tố nào trong nghệ thuật kể chuyện? Vì sao?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS nghe đọc, quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ theo cặp

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 cặp HS trả lời.

Các cặp khác lắng nghe, nhận xét, góp ý

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

- HS thuyết trình:

+ Giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.

+ Nêu được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.

+ Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.

+ Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng về một tác phẩm truyện.

- HS lắng nghe: hiểu được yêu cầu, chuẩn bị các yếu tố cần thiết (tâm thế, tư liệu) để lắng nghe, phản hồi, trao đổi.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: Chuẩn bị thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* CHUẨN BỊ</p> <p>1. NGƯỜI NÓI</p> <p>a. Yêu cầu</p> <p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>I. CHUẨN BỊ NÓI VÀ NGHE</p> <p>1. Người nói</p> <p>a. Yêu cầu</p>

Đọc phần yêu cầu cần đạt của bài thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện, gạch chân các từ khóa, xác định các yêu cầu người nói cần nắm được

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, trao đổi theo cặp ghi ra giấy các yêu cầu

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu

b. Quy trình thuyết trình

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Đọc phần hướng dẫn trong SGK, chỉ ra quy trình mà người nói cần thực hiện.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thảo luận nhóm (2 bàn) ghi ra giấy quy trình

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu

2. NGƯỜI NGHE

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Theo em, người nghe cần chuẩn bị những gì khi nghe bài thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cá nhân ghi ra giấy theo suy nghĩ của mình

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

GV gọi HS trình bày 1 phút kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu

- Giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.

- Nêu được các khía cạnh trong nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.

- Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.

- Thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng về một tác phẩm truyện.

b. Quy trình thuyết trình

- Lựa chọn đề tài

Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên.

- Tìm ý và sắp xếp ý

Từ hệ thống luận điểm ở bài viết, lựa chọn những ý quan trọng nhất, thể hiện rõ quan điểm và phát hiện của bản thân cần được trình bày trong bài nói.

2. Người nghe

- Tìm hiểu trước về nội dung của bài

- Chuẩn bị các tài liệu, câu hỏi liên quan để nghe và phản hồi

- Chuẩn bị tâm thế chủ động, sẵn sàng, cầu thị, xây dựng

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xây dựng một bài thuyết trình theo quy trình và thực hành nói nghe

b. Nội dung: Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm											
<p>Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lựa chọn một trong các vấn đề sau để thuyết trình theo bố cục ba phần (HD Thực hành nói tr.46 SGK): 1. Tình huống truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i> - Kim Lân 2. Chất thơ trong tác phẩm <i>Dưới bóng hoàng lan</i> - Thạch Lam <ul style="list-style-type: none"> - Đọc HD trao đổi, đánh giá để chuẩn bị sau nói, nghe - Tự đánh giá về bài trình bày theo bảng (Phụ lục 1 bên dưới) <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>HS làm việc nhóm, sắp xếp, kiểm tra lại phần thuyết trình và phương tiện sử dụng của nhóm</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện HS các nhóm thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện mà nhóm mình đã lựa chọn - Các HS khác lắng nghe, phản hồi về phần thuyết trình của nhóm bạn và thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn - Tự đánh giá về bài trình bày theo hướng dẫn <p>Bước 4. Kết luận, nhận định</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, - Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của một bài thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện để HS rút kinh nghiệm - Tham khảo bài thuyết trình (Phụ lục 2 bên dưới) 	<p>II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ</p> <p>1. Thực hành nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nội dung bài nói theo 3 phần: Mở đầu - triển khai - kết luận - Kết hợp trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ <table border="1" data-bbox="625 359 1479 1360"> <tr> <td data-bbox="625 359 818 598"><i>Mở đầu</i></td> <td data-bbox="818 359 1479 598"> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện sẽ thuyết trình. - Cần lưu ý bắt đầu bài nói sao cho thu hút sự chú ý của người nghe, tránh việc thuyết trình giống như việc đọc lại bài viết. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="625 598 818 1121"><i>Triển khai</i></td> <td data-bbox="818 598 1479 1121"> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày lần lượt các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan (nếu có). - Người nói có thể kể lại ngắn gọn nhưng không hoàn toàn tiết lộ nội dung của truyện, nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến. Dựa vào các luận điểm đã xác định trong bố cục bài nói, thiết kế các slide sao cho thích hợp nếu người nói sử dụng phương tiện trình chiếu. </td> </tr> <tr> <td data-bbox="625 1121 818 1360"><i>Kết luận</i></td> <td data-bbox="818 1121 1479 1360"> <ul style="list-style-type: none"> Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình chọn để giới thiệu. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm. </td> </tr> </table> <p>2. Trao đổi, đánh giá</p> <table border="1" data-bbox="625 1409 1479 1885"> <thead> <tr> <th data-bbox="625 1409 1052 1459">Người nói</th> <th data-bbox="1052 1409 1479 1459">Người nghe</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="625 1459 1052 1885"> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời những thắc mắc từ người nghe. - Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với những góp ý xác đáng, nghiêm túc. - Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn, một </td> <td data-bbox="1052 1459 1479 1885"> <ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ những điểm thấy hợp lí và hấp dẫn trong bài thuyết trình. - Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc có đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói. - Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn </td> </tr> </tbody> </table>		<i>Mở đầu</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện sẽ thuyết trình. - Cần lưu ý bắt đầu bài nói sao cho thu hút sự chú ý của người nghe, tránh việc thuyết trình giống như việc đọc lại bài viết. 	<i>Triển khai</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày lần lượt các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan (nếu có). - Người nói có thể kể lại ngắn gọn nhưng không hoàn toàn tiết lộ nội dung của truyện, nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến. Dựa vào các luận điểm đã xác định trong bố cục bài nói, thiết kế các slide sao cho thích hợp nếu người nói sử dụng phương tiện trình chiếu. 	<i>Kết luận</i>	<ul style="list-style-type: none"> Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình chọn để giới thiệu. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm. 	Người nói	Người nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời những thắc mắc từ người nghe. - Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với những góp ý xác đáng, nghiêm túc. - Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn, một 	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ những điểm thấy hợp lí và hấp dẫn trong bài thuyết trình. - Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc có đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói. - Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn
<i>Mở đầu</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện sẽ thuyết trình. - Cần lưu ý bắt đầu bài nói sao cho thu hút sự chú ý của người nghe, tránh việc thuyết trình giống như việc đọc lại bài viết. 											
<i>Triển khai</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày lần lượt các thông tin trong bài viết theo hình thức tóm lược kết hợp nhịp nhàng với việc trình chiếu hay minh họa trực quan (nếu có). - Người nói có thể kể lại ngắn gọn nhưng không hoàn toàn tiết lộ nội dung của truyện, nếu tác phẩm ấy chưa được nhiều người biết đến. Dựa vào các luận điểm đã xác định trong bố cục bài nói, thiết kế các slide sao cho thích hợp nếu người nói sử dụng phương tiện trình chiếu. 											
<i>Kết luận</i>	<ul style="list-style-type: none"> Khái quát lại những điều cảm nhận cũng như đánh giá về tính nghệ thuật của tác phẩm mà mình chọn để giới thiệu. Có thể kết bài bằng những câu khuyến khích người nghe chia sẻ cảm nhận hay góc nhìn khác về tác phẩm. 											
Người nói	Người nghe											
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời những thắc mắc từ người nghe. - Thể hiện thái độ tiếp thu chân thành, cởi mở với những góp ý xác đáng, nghiêm túc. - Chia sẻ thêm một số điểm mình muốn làm rõ hơn, một 	<ul style="list-style-type: none"> - Chia sẻ những điểm thấy hợp lí và hấp dẫn trong bài thuyết trình. - Nêu những điểm còn băn khoăn hoặc có đánh giá, cảm nhận về tác phẩm khác với người nói. - Có thể đặt thêm một số câu hỏi để người nói làm rõ hơn 											

	số phát hiện khác về tính nghệ thuật của tác phẩm.	về những điều bạn tâm đắc ở tác phẩm.
--	--	---------------------------------------

PHỤ LỤC 1

Người nói và người nghe tham khảo bảng sau để tự đánh giá hay đánh giá về bài trình bày:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1.	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn để thuyết trình (tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của nhà văn hay trong lịch sử văn học).		
2.	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện.		
3.	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu hay minh họa trực quan.		
4.	Có sự tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với tác phẩm		

PHỤ LỤC 2

Bài tham khảo: Thuyết trình về chất thơ trong tác phẩm *Dưới bóng hoàng lan* – Thạch Lam

Thạch Lam là một trong những cây bút xuất sắc của nhóm Tự lực văn đoàn và của văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1930 – 1945. Dẫu đời văn ngắn ngủi nhưng không ai có thể phủ nhận được những đóng góp của Thạch Lam đối với nền văn học Việt Nam. Sáng tác của Thạch Lam không chỉ hấp dẫn người đọc bởi ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà còn bởi giọng điệu thủ thi tâm tình, chất thơ bàng bạc trên từng trang văn. Truyện *Dưới bóng hoàng lan* là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của tác giả: Truyện không có cốt truyện, mạch đi của truyện là dòng chảy tâm trạng với những biến thái tinh vi, chất trữ tình và hiện thực đan cài, đằng sau tác phẩm thấp thoáng một cái tôi giàu lòng nhân hậu.

Chất thơ là tính chất trữ tình – tính chất được tạo nên từ sự hòa quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng, tình cảm với vẻ đẹp của cách biểu hiện nó để có thể khơi gợi những rung động thẩm mỹ và tình cảm nhân văn. Đây là một truyện ngắn giàu chất thơ. Chất thơ trong truyện ngắn được tạo nên khi nhà văn chú ý khai thác và biểu hiện một cách tinh tế mạch cảm xúc, tâm trạng, tình cảm của nhân vật hoặc của chính mình trước thế giới bằng những chi tiết, hình ảnh đầy gợi cảm và một lối văn trong sáng, truyền cảm, phù hợp với nhịp điệu riêng của cảm xúc, tâm hồn. “Chất thơ” trước tiên hiểu theo nghĩa rộng phải gắn với cái đẹp. Cái đẹp có thể là do tự nhiên mang lại như cánh mây trắng nhờn nhờ bay trên bầu trời xanh thẳm, tạo ra cảm giác dễ chịu cho người ngắm nhìn. Hoặc, “chất thơ cũng có thể tạo ra từ những tình cảm, hành động của con người như: Sự nhớ nhung, sự uyển chuyển của các điệu múa...*Dưới bóng hoàng lan* mang một chất thơ dịu mát

***Dưới bóng hoàng lan* mang chất thơ của tình đời, tình người thiết tha.** Đó là vẻ đẹp của một khu vườn cổ tích lọt thỏm giữa cuộc đời còn lắm bề bộn, bon chen, xô bồ với con mèo già, bể nước mưa, giàn hoa thiên lý và đặc biệt là người bà như một bà tiên phúc hậu. Thạch Lam đưa người đọc trở về với những miền quê êm đềm yên ả của nông thôn Việt Nam: “Thanh lách cửa gỗ để khép,

nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người, trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhẩy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí... Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn .. Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào... Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng, lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt.”. Một thế giới hoàn toàn yên bình, tĩnh lặng và đẹp như cổ tích. Con đường gạch, giàn cây bóng mát và đặc biệt là hương hoa đã xoa dịu tâm hồn con người sau một quãng đường dài đầy bụi bặm. Trở về với quê hương chính là trở về với dân tộc, trở về với những nét đẹp truyền thống được lưu giữ từ thuở xa xưa. Trong khung cảnh ấy, tâm hồn con người trở nên trong sáng hơn, thuần khiết hơn, đẹp đẽ hơn. Đó là vẻ đẹp của tình người. Vẻ đẹp của tình bà cháu thấm thiết. Vẻ đẹp của một mối tình trai gái được bao bọc trong hương hoàng lan thoang thoảng. Đó chưa thể gọi là một tình yêu nhưng cũng không dừng lại ở một tình bạn như tình bạn ngày nào bởi có cái nhìn âu yếm và cách xưng hô của cô gái, có cử chỉ nắm tay của chàng trai. Tình cảm chỉ dừng lại ở đó. Tất cả cứ khẽ khàng, nâng niu như đứng trước một cái gì dễ vỡ.

Rồi cảm giác về mùi hương cùng tình yêu ở buổi đầu hò hẹn: “đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió mát... có cái gì dịu ngọt chẳng tở ở đâu đây, khiến chàng vương phải.”. Ai rồi cũng trải qua mối tình đầu đầy ngọt ngào và thơ mộng. Ai rồi cũng có sự hồi hộp của buổi hò hẹn đầu tiên. Đọc Thạch Lam, tất cả những cảm giác về tạo vật, cuộc sống và tình yêu bỗng bừng dậy. Nó thức tỉnh tâm hồn con người, giúp ta yêu hơn, trân trọng hơn những xúc cảm ngọt ngào, những phút giây hạnh phúc đã có và đang có trong cuộc đời. Cái đẹp trong truyện ngắn của Thạch Lam là những cái đẹp gần gũi, giản dị. Những cái đẹp mà trên đường đời bận bịu con người muốn dừng chân đứng lại để thư giãn. Cái đẹp làm con người thấy yêu thêm cuộc sống này, những gì đang có, đang được tận hưởng. Cái đẹp giúp con người sống đẹp hơn, ý nghĩa hơn.

Chất thơ trong *Dưới bóng hoàng lan* còn là kiểu truyện mà không có cốt truyện. Thanh - nhân vật chính của truyện sau hai năm xa nhà làm việc trên tỉnh trở về thăm nhà. Một thế giới cổ tích mở ra trước mắt chàng đó là người bà hiền hậu nhân ái, là khu vườn thoang hương ngọc lan và đặc biệt là cô bạn gái xinh xắn từng chơi đùa với chàng thừa ấu thơ. Hôm sau, Thanh ra đi mang theo những kỷ niệm đẹp đẽ, dịu êm và cả hương ngọc lan thoang thoảng ngọt ngào

Trong truyện *Dưới bóng hoàng lan*, dư vị trữ tình ẩn trong từng nhân vật. Tất cả được đặt trong không gian trong lành, mát rượi, thoang hương ngọc lan, từ những câu đối đáp khẽ khàng của các nhân vật và tên gọi là những thanh không dấu (Nga - Thanh), đặc biệt là ở các cảm giác yên bình dịu ngọt trong tâm hồn Thanh- người vừa từ chốn thị thành ồn ã trở về. Truyện mở đầu bằng cảm giác xúc động đến nghẹn giọng “khi Thanh từ giã cái bức nóng của phố xá bước chân vào ngôi nhà mát rượi của bà, gặp lại những gì thương mến sau hai năm xa cách. Sự chăm sóc ân cần của bà, của hương ngọc lan dịu ngọt phảng phất đâu đây đã đem đến cho chàng sự nhẹ nhõm, “tươi mát như tắm suối”.

Về không gian nghệ thuật, có thể ví *Dưới bóng hoàng lan* như khu vườn cổ tích còn sót lại trên cõi nhân gian này. Đó là không gian bằng bạc chất thơ. Khu vườn với gạch Bát Tràng rêu phủ,

những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí.”, có “Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liềm trong giàn, lẫn vào đám lá.” và phảng phất trong không khí là hương hoa hoàng lan dịu nhẹ bao trùm cả khu vườn. Cái hay trong Dưới *bóng hoàng lan* là đã tạo ra được một trường nghĩa về quê, về không gian quê. Đó là chôn thanh bình “Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bức cửa”. Đó là cảnh tượng “gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày xưa và hình ảnh người bà vẫn tóc bạc phơ hiện từ. Đó là nơi chôn dấu những kỷ niệm tuổi thơ êm đềm của Thanh mà chàng luôn thầm nhớ rằng - Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành ở đây bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để yêu mến chàng”. Không gian ấy tràn ngập tình yêu thương của bà cháu, của một mối tình thuở nhỏ. Nơi ấy có người mà Thanh vẫn hằng mong nhớ. Đối với Thanh quê mới là nơi chàng muốn trở về chứ không phải tỉnh. Quê là lý tưởng, đồng nhất với sự trở về với mơ ước hương hoàng lan là chút hương đầy lưu luyến gợi nhắc Thanh về một vùng quê thanh bình yên ả mà chàng muốn trở về chứ không phải tỉnh. Quê là lý tưởng, đồng nhất với sự trở về với mơ ước hương hoàng lan là chút hương đầy lưu luyến gợi nhắc Thanh về một vùng quê thanh bình yên ả mà chàng muốn trở về. Hương hoàng lan cũng làm minh chứng tình yêu của Thanh và Nga – một mối tình không ngờ...

Thạch Lam không cầu kỳ trong việc lựa chọn chi tiết, hình ảnh để làm nên không gian đầy chất thơ ấy. Tất cả đều hết sức gần gũi thân thuộc với con người. Tuy nhiên, trong khi bài trí, sắp xếp chi tiết, hình ảnh, nhà văn đã chú ý chọn một điểm nhấn. Điểm nhấn ấy có thể là một sự việc, một cảnh sắc hay một hương vị được các nhân vật nhận biết bằng trực cảm và sự nhận biết ấy gợi dẫn biết bao xúc cảm, thức dậy những vùng ký ức đẹp đẽ...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS lựa chọn được chủ đề và hình thành được bài thuyết trình của cá nhân

b. Nội dung: Thực hiện buổi sinh hoạt câu lạc bộ người yêu truyện

c. Sản phẩm: Các bài tham luận

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tổ chức buổi sinh hoạt câu lạc bộ người yêu truyện.

- GV chia nhóm, phân công HS chuẩn bị nội dung thuyết trình, có thể lựa chọn một số vấn đề cụ thể như sau:

1. Vẻ đẹp nghệ thuật trong một truyện ngắn của Nam Cao.

2. Ấn tượng về nghệ thuật kể chuyện của Kim Lân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức buổi sinh hoạt trên lớp hoặc trong giờ hoạt động ngoại khóa.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được sau buổi sinh hoạt, lưu ý những kỹ năng quan trọng khi thuyết trình đối với HS.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CÙNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 1)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 3 nhóm thảo luận 3 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Qua bài học này, theo bạn, điều gì làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại?

Câu 2. Suy nghĩ của bạn về hình tượng các nhân vật nữ: thị Nở (truyện ngắn *Chí Phèo* – Nam Cao) và người vợ nhặt (truyện ngắn *Vợ nhặt* – Kim Lân). Từ đó, hãy đánh giá giá trị nhân đạo của mỗi tác phẩm.

Câu 3: Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nam Cao (*Lão Hạc, Đồi thừa, Bài học quét nhà, cái chết của con mực,...*) và Kim Lân (*Con chó xấu xí, Làng,...*); từ đó, phân tích những nét nổi bật trong cách kể chuyện của từng tác giả.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Điều làm nên sức hấp dẫn của một truyện ngắn hiện đại:

- Truyện ngắn có dung lượng nhỏ, ngắn gọn mà cô đúc nên có sức ám ảnh lớn. Nó tập trung vào một hoặc một vài biến cố trong một không gian, thời gian nhất định, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và sự liên tưởng cho người đọc.
- Đề tài, nội dung truyện ngắn có thể lấy ở nhiều mặt của cuộc sống, nhiều vấn đề có tính chất thời sự xã hội.
- Nhân vật trong truyện ngắn đa phần được khắc họa bằng nội tâm chứ ít khi thông qua sự đối thoại như văn bản kịch.
- Về điểm nhìn và phương thức kể chuyện đa dạng, linh hoạt,...

Câu 2:

1. Hình tượng nhân vật người phụ nữ

a. Thị Nở (*Chí Phèo* – Nam Cao)

- **Ngoại hình:** Miêu tả khách quan, trần trụi:

+ Ngần ngợ: hành động theo bản năng.

+ Xấu ma chê quỷ hờn: từng đường nét trên khuôn mặt không giống với những gì nên có trên khuôn mặt con người.

+ Đã vậy, Thị còn nghèo và nhà có má hủi.

⇒ Thị khó có được hạnh phúc bởi một con người mang trên mình toàn những điều bất lợi.

- **Phẩm chất tốt đẹp, giàu tình người:** Nam Cao xây dựng hình tượng nhân vật thị Nở xấu ma, chê quỷ hờn không phải để miệt thị mà nhằm làm nổi bật nội tâm đầy tình thương của Thị Nở:

+ Thị Nở quan tâm đến Chí Phèo, nấu cháo hành cho Chí ăn khi hắn bị ốm. Bung bát cháo hành thị Nở đưa cho “hắn thấy mắt mình hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho”.

+ Chính thị Nở đã suy nghĩ về Chí Phèo: “Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người” ⇒ một cái nhìn khác với những cái nhìn của người làng Vũ Đại.

+ Tình cảm và sự quan tâm của Thị Nở với Chí Phèo đã như một liều thuốc chữa lành bao nhiêu “vết thương, vết rạch” để Chí Phèo quay trở lại thành một người với sự lương thiện trong căn tính.

- **Khát khao hạnh phúc gia đình:**

+ Thị Nở thích cuộc sống gia đình có vợ có chồng.

+ Suy nghĩ rất nghiêm túc về mối quan hệ với Chí.

+ Đối với Chí, cảm giác “ngượng ngượng mà thỉnh thích”.

+ Bởi khát khao và suy nghĩ nghiêm túc về hạnh phúc gia đình nên Thị đã trở về xin phép bà cô và thái độ tức giận khi bà cô từ chối.

- **Là nhân vật góp phần làm nổi bật chủ đề tác phẩm:** bi kịch cuộc đời Chí Phèo.

+ Ban đầu, thị Nở và Chí Phèo đến với nhau chỉ bởi sự chung đụng về mặt thể xác.

+ Sau đó, chính tình thương của thị Nở đã làm thức dậy sự lương thiện vốn có trong Chí.

+ Khi Thị Nở từ chối Chí, Chí Phèo từ chỗ khát khao và hạnh phúc đến tột cùng bị đẩy xuống tận cùng của nỗi tuyệt vọng ⇒ đẩy Chí đến những hành động sau này: uống rượu, xách dao đi giết Bá Kiến và tự sát.

⇒ **Nhận xét chung:** Thị Nở là nhân vật thúc đẩy sự phát triển của câu chuyện, đồng thời cho người ta cảm nhận sâu sắc hơn bi kịch của nhân vật chính: Chí Phèo.

b. Người vợ nhặt (Vợ nhặt – Kim Lân)

- **Lai lịch, xuất thân và hoàn cảnh của Thị:**

+ Không có quê hương gia đình → nạn đói năm 1945 đã khiến biết bao con người bị dớt khỏi quê hương, gia đình.

+ Tên tuổi cũng không có và qua tên gọi “vợ nhặt” → cho thấy sự rẻ rúng của con người trong cảnh đói.

+ Hoàn cảnh:

++ Không việc làm cụ thể, cuộc sống bấp bênh, bị nạn đói dồn đẩy đến trên bờ vực cái chết.

++ Cái đói quay quắt đã dồn đẩy chị, làm chị đánh mất cả sĩ diện và lòng tự trọng.

=> Thị là nạn nhân của nạn đói với số phận bi thảm, đáng thương.

- Chân dung ngoại hình của Thị:

+ Quần áo tả tơi như tổ đũa, gầy sọp.

+ Khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn hai con mắt.

+ Cái ngực gầy lép nhô lên.

=> Ngoại hình không mấy dễ nhìn, là hiện thân của sự nghèo đói, khốn khổ.

- Hành động, cử chỉ:

+ **Lần thứ nhất:** khi nghe câu hò vui của Tràng, thị đã vui vẻ giúp đỡ → đây chính là sự hồn nhiên vô tư của người lao động nghèo.

+ Lần thứ hai:

++ Thị sung sĩa mắng Tràng, từ chối ăn giàu để được ăn một thứ có giá trị hơn.

++ Khi được mời ăn tức thì ngồi sà xuống, mắt sáng lên, “ăn một chặp bốn bát bánh đúc”.

++ Khi nghe Tràng nói đùa “đằng ấy có về với tớ... cùng về”, thị đã theo về thật → Trong cái đói khổ, đó là cơ hội để thị bầu víu lấy sự sống.

=> Cái đói khổ không chỉ làm biến dạng ngoại hình mà cả nhân cách con người, khiến người ta mất đi cả lòng tự trọng, sĩ diện và sự e thẹn, dụi dàng vốn có của người phụ nữ.

- Phẩm chất, vẻ đẹp tâm hồn của Thị

+ Có khát vọng sống mãnh liệt:

++ Quyết định theo Tràng về làm vợ dù không biết về Tràng, chấp nhận theo không về không cần sinh lễ vì thị sẽ không phải sống cảnh lang thang đầu đường xó chợ.

++ Khi đến nhà thấy hoàn cảnh nghèo khổ, trái ngược lời tuyên bố “rích bố cu”, thị “nén một tiếng thở dài”, dù ngao ngán nhưng vẫn chịu đựng để có cơ hội sống.

+ Thị là người ý tứ và nết na:

++ Trên đường về, thị cũng rón rén e thẹn đi sau Tràng, đầu hơi cúi xuống, thị ngại ngùng cho thân phận vợ nhặt của mình.

++ Khi vừa về đến nhà, Tràng đon đả mời ngồi, chị ta cũng chỉ dám ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, thể hiện sự ý tứ khi chưa xác lập được vị trí trong gia đình.

++ Khi gặp mẹ chồng, ngoài câu chào thị chỉ cúi đầu, “hai tay vãn vãn tà áo đã rách bợt”, thể hiện sự lúng túng ngượng nghịu.

++ Sáng hôm sau, thị dậy sớm quét tước nhà cửa, không còn cái vẻ “chao chát, chông lỏn” mà hiền hậu, đúng mực.

++ Lúc ăn cháo cám, mới nhìn “mắt thị tối lại”, nhưng vẫn điềm nhiên và vào miệng thể hiện sự nể nang, ý tứ trước người mẹ chồng, không muốn làm bà buồn.

=> Cái đói có thể cướp đi nhân phẩm trong khoảnh khắc nào đó chứ không vĩnh viễn cướp đi được tâm hồn con người.

+ **Thị còn là người có niềm tin vào tương lai:** kể chuyện phá kho thóc trên Thái Nguyên, Bắc Giang để thắp lên hi vọng cho cả gia đình, đặc biệt là cho Tràng.

=> **Nhận xét chung:** Nhân vật người vợ nhặt là nhân vật thể hiện giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, tiêu biểu cho những người nghèo khổ, khốn cùng bị cái đói, cái chết đe dọa, dồn đẩy đến

bước đường cùng. Thị luôn khao khát hạnh phúc gia đình, đem đến làn gió tươi sáng, ấm áp cho gia đình anh Tràng và cả người dân ở xóm ngụ cư trong hoàn cảnh bi đát nhất.

2. Giá trị nhân đạo

a. Chí Phèo – Nam Cao

- Niềm cảm thương sâu sắc đối với những số phận khổ đau, bất hạnh như Chí Phèo, thị Nở.
- Khẳng định, đề cao nhân tính, đề cao con người.
- Nam Cao phê phán những thế lực bạo tàn chà đạp con người.
- Nam Cao đề ra giải pháp mang tính nhân đạo, mang ý nghĩa hiện thực và triết lí sâu sắc: lật đổ xã hội tàn bạo để bảo toàn nhân tính của con người.

b. Vợ nhặt – Kim Lân

- Niềm cảm thương, đồng cảm sâu sắc của nhà văn trước số phận của những người nghèo khổ.
- Là tiếng nói khẳng định, đề cao những tình cảm cao đẹp của người lao động nghèo khổ: đó là tình yêu thương đùm bọc, tình mẫu tử, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc.
- Thể hiện niềm tin, niềm hi vọng vào cuộc sống vào tương lai dù ở trong tình cảnh khốn khó nhất.
- Lên án tố cáo tội ác dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây ra nạn đói khủng khiếp.

Câu 3:

* Một số truyện ngắn của Nam Cao (*Lão Hạc, Đời thừa, Bài học quét nhà, cái chết của con mực,...*) và Kim Lân (*Con chó xấu xí, Làng,...*)

* Những nét nổi bật trong cách kể chuyện của từng tác giả:

1. Nhà văn Nam Cao

- **Đề tài, chủ đề:** Nam Cao thường hướng ngòi bút của mình vào miêu tả những cái nhỏ nhặt, xoàng xĩnh cuộc sống hàng ngày, từ đó đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, những triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống, nghệ thuật.
- **Cốt truyện, kết cấu:** Trong nhiều tác phẩm của ông cốt truyện được hư cấu rất đơn giản, dường như không cần đến sự tổ chức, sắp xếp. Có nhiều truyện của Nam Cao không có cốt truyện.
- **Nghệ thuật miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật:** Hướng ngòi bút vào thế giới bên trong của con người, miêu tả tâm lí trong chiều sâu của sự vận động và phát triển của nhân vật.
- **Ngôn ngữ, giọng điệu:**

+ Ngôn ngữ trong sáng tác của Nam Cao là ngôn ngữ đa âm, phức điệu, hiện đại. Ông không chỉ sử dụng đặc địa đại từ nhân xưng: nó, hắn, y, thị, gã mà còn có khả năng hóa thân, nhập vai vào tất cả các nhân vật, suy nghĩ và nói năng bằng tiếng nói của nhân vật. Có sự hòa quyện giữa ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật, có sự chuyển hóa, trao đổi từ ngôn ngữ người kể chuyện sang ngôn ngữ nhân vật.

+ Trong truyện của Nam Cao ta thường bắt gặp một giọng điệu có sắc thái tương chừng đối lập nhau. Ấy là giọng khách quan lạnh lùng, tàn nhẫn bên ngoài mà cảm thông, thương xót bên trong.

2. Nhà văn Kim Lân

- **Nghệ thuật xây dựng nhân vật:** Nhân vật: Kim Lân khắc họa được hình tượng sinh động. Bà cụ Tứ, Tràng, ông Hai tiêu biểu cho những người lao động cơ cực, nhưng vẫn nguyên vẹn tấm lòng nhân hậu, trong sáng, tình nghĩa, thủy chung.

- **Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo:** Kim Lân thường đưa nhân vật vào những tình huống éo le, độc đáo để làm nổi bật tính cách, suy nghĩ, vẻ đẹp nội tâm của nhân vật.
- **Sử dụng ngôn ngữ bình dân, tinh tế, có duyên:** mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi đáng kể.
- **Nghệ thuật trần thuật tự nhiên, hấp dẫn:** Trần thuật thông qua đối thoại giữa các nhân vật cũng là một nét đặc sắc của Kim Lân.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 2:** Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình (Độc Tri thức Ngữ văn và văn bản 1. *Nhớ đồng* - Tố Hữu).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....